|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2025* |

**BẢN TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý (*BỔ SUNG*)**

**ĐỐI VỚI DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; LUẬT BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT; LUẬT CHĂN NUÔI; LUẬT ĐA DẠNG SINH HỌC; LUẬT ĐÊ ĐIỀU; LUẬT ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN; LUẬT ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ; LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN; LUẬT LÂM NGHIỆP; LUẬT PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI; LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC; LUẬT TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; LUẬT THÚ Y; LUẬT THỦY LỢI; LUẬT THỦY SẢN; LUẬT TRỒNG TRỌT (dự án Luật)**

Sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của **39** văn bản góp ý của Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương và tổ chức, cá nhân (**10** Bộ, cơ quan ngang Bộ; **26** địa phương và **02** tổ chức) đối với dự án Luật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục nhận được ý kiến góp ý của **05** Bộ, cơ quan ngang Bộ và tổ chức (Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Hóa chất và Phân bón Dầu khí).

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức (bổ sung) về dự án Luật. Kết quả cụ thể như sau:

| **ĐIỀU, KHOẢN, ĐIỂM** | **CHỦ THỂ GÓP Ý** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Ý kiến chung** | | |  |
|  | Bộ Tài chính | 1. Theo hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Bộ NN&MT) đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định theo 3 nhóm gồm: (i) Hoàn thiện pháp luật theo chính quyền địa phương 2 cấp; (ii) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh; (iii) Giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, pháp luật. Theo đó:  - Đối với nội dung hoàn thiện pháp luật theo chính quyền địa phương 2 cấp: đề nghị bám sát quy định về chính quyền địa phương 2 cấp đã được cấp có thẩm quyền quyết định thời gian qua (Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ NN&MT; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực NN&MT;...) để đồng bộ pháp luật. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát toàn bộ dự thảo Luật để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ NN&MT; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực NN&MT | |
|  | Bộ Tài chính | - Đối với nội dung về đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh: đề nghị thuyết minh cụ thể thời gian rút ngắn thủ tục hành chính; đồng thời thuyết minh cơ sở thực tiễn, cơ sở khoa học đảm bảo việc rút ngắn, cắt giảm thủ tục hành chính không làm giảm vai trò quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Bộ NN&MT. Đồng thời, đề nghị thống kê cụ thể số lượng, danh mục thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa. | - Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã bổ sung tại Báo cáo đánh giá TTHC | |
|  | Bộ Tài chính | Ngoài ra, đề nghị tiếp tục rà soát các quy định hiện hành và xây dựng dự thảo đảm bảo thực hiện các chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát nêu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, Công điện số 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ | - Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát các chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính để đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. | |
|  | Bộ Tài chính | - Đối với nội dung sửa đổi để giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, pháp luật: Đề nghị chọn lọc các nội dung cấp bách cần giải quyết ngay, trong đó thuyết minh cụ thể sự cần thiết theo cơ sở thực tiễn cần đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hình thức rút gọn (Bộ NN&MT dự kiến trình Quốc hội thông qua trong kỳ họp tháng 10/2025). Trong trường hợp một Luật có quá nhiều nội dung vướng mắc, cần sửa đổi, đề nghị nghiên cứu sửa đổi riêng để đảm bảo thuận tiện trong quá trình tra cứu và triển khai. | - Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát và điều chỉnh số lượng các nội dung cấp bách cần giải quyết ngay, bổ sung thuyết minh cụ thể sự cần thiết theo cơ sở thực tiễn cần đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hình thức rút gọn tại Tờ trình | |
|  | Bộ Tài chính | Bên cạnh đó, đề nghị nghiên cứu, thực hiện các kiến nghị tại các Phụ lục IX và Phụ lục XIII kèm theo Quyết định số 1015/QĐTTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định phương án phân cấp giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi và quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do một số kiến nghị thực thi chưa được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật như kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16; khoản 2 Điều 30; điểm b khoản 2 Điều 35 tại Luật Chăn nuôi; điểm a khoản 2 Điều 97 Luật Thú y. | - Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát và thấy rằng dự thảo Luật đã quy định phù hợp với phân công nhiệm vụ của Chính phủ. Trong thời điểm hiện nay, việc sửa đổi toàn diện Luật Chăn nuôi và Luật Thú y không ghi tên Bộ, ngành và xây dựng theo quy trình rút gọn là không bảo đảm tính khả thi. Nội dung quy định tại Kết luận số 119-KL/TW sẽ được thực hiện thống nhất, đồng bộ khi sửa đổi, bổ sung từng Luật nêu trên. - Trong thời gian tới, dự kiến hai Luật này đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo cơ quan có thẩm quyền đưa vào chương trình lập pháp Quốc hội khóa XVI (2026-2030), sẽ sửa đổi toàn diện và rà soát không đưa tên Bộ, ngành vào Luật, theo đúng chỉ đạo của Trung ương | |
|  | Bộ Tài chính | 2. Pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công hiện đã được cập nhật, bổ sung. Đề nghị nghiên cứu các quy định hiện hành để hoàn thiện pháp luật chuyên ngành theo lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ cho phù hợp, trong đó đề nghị nghiên cứu thêm:  (i) Nghiên cứu, xác định nội dung chi từ 02 nguồn (chi đầu tư, chi thường xuyên) làm cơ sở thực hiện khoản 6 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;  (ii) Đê điều là lĩnh vực được chỉ đạo theo tinh thần 4 tại chỗ (Chỉ huy tại chỗ; Lực lượng tại chỗ; Phương tiện, vật tư tại chỗ; Hậu cần tại chỗ). Pháp luật về ngân sách nhà nước quy định trên nguyên tắc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp nào do cấp đó thực hiện (khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước). Theo đó, đề nghị xác định cụ thể tính chất chi về đê điều theo tinh thần phân cấp mạnh mẽ về địa phương (quản lý hạ tầng đê điều, kinh phí cho lực lượng quản lý đê điều,...) làm cơ sở để sử dụng hiệu quả ngân sách địa phương; ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương gặp khó khăn theo pháp luật về ngân sách nhà nước. | Hiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung bị tác động do việc phân cấp, phân quyền; sáp nhập, tổ chức lại bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp. Vấn đề quý Bộ nêu, xin ghi nhận ý kiến góp ý để nghiên cứu trong quá trình thực hiện. | |
|  | Bộ Tài chính | 3. Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì soạn thảo Luật Quy hoạch (sửa đổi), trong đó dự kiến sửa đổi, bổ sung một số nội dung có liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên nước, Thủy lợi, Đê điều trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Do vậy, đề nghị Bộ NN&MT phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình rà soát, hoàn thiện các Luật: Luật Quy hoạch (sửa đổi), Luật Tài Nguyên nước, Luật Đê điều, Luật Thủy lợi đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.  Đối với việc rà soát các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ NN&MT tại Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Đê điều. Trong quá trình xây dựng Luật Quy hoạch (sửa đổi), Bộ Tài chính đang tiến hành rà soát lại các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có nội dung tương đồng, trùng lặp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ mới của các Bộ sau khi sáp nhập, trong đó có Bộ NN&MT, dự kiến đề xuất một số nội dung cụ thể:  + Dự kiến tích hợp Quy hoạch Tài nguyên nước và Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thành Quy hoạch Tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi.  + Dự kiến tích hợp Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, quy hoạch thủy lợi thành Quy hoạch tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và thủy lợi cho các lưu vực sông liên tỉnh.  + Dự kiến tích hợp quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê và quy hoạch đê điều thành Quy hoạch đê điều và phòng chống lũ cho các lưu vực sông liên tỉnh.  + Đề xuất bãi bỏ Quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia.  + Đề nghị chuyển Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thành nhiệm vụ điều tra theo định kỳ.  + Đề xuất bãi bỏ Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai.  Theo đó, đề nghị nghiên cứu sửa đổi các điều, khoản, điểm có liên quan đến các quy hoạch nêu trên trong Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Đê điều đảm bảo phù hợp với Luật Quy hoạch (sửa đổi) trong quá trình hoàn thiện các Luật để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đồng thời quy định nội dung các loại quy hoạch sau khi hợp nhất, tích hợp đảm bảo thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉnh sửa dự thảo đối với các nội dung liên quan đến quy hoạch để phù hợp với quy định tại dự thảo Luật Quy hoạch (về thuỷ lợi, về tài nguyên nước). Đồng thời, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính để hoàn thiện quy định về quy hoạch tại dự thảo Luật. | |
|  | Bộ Tài chính | 4. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Luật: đề nghị Bộ NN&MT thực hiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. | |
|  | Bộ Tài chính | 5. Về kỹ thuật trình bày  - Đề nghị rà soát, chỉnh lý quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng Bộ NN&MT tại Điều 43, 58, 84,…của Luật Bảo vệ môi trường; Điều 55, 65, 67,… của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật; Điều 11, 15, 20, 21, 26,… của Luật Chăn nuôi; Điều 37, 38, 44, 53, 54, 57,…của Luật Thú y; để đảm bảo đúng yêu cầu của Ban Chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 18 tại điểm c[[1]](#footnote-1) Mục 3 Công văn số 48/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/5/2025  - Tại phần căn cứ ban hành, đề nghị rà soát, bổ sung, cập nhật bảo đảm đầy đủ, chính xác.  - Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ “cấp tỉnh”, “cấp xã” trong toàn bộ các phần sửa đổi các Luật nêu trên trong dự thảo Luật. Do, một số quy định tại Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Đa dạng sinh học, Thú y, Trồng trọt trong dự thảo Luật vẫn còn sử dụng các cụm từ: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”, “xã, phường, thị trấn”, “cấp tỉnh”, “cấp xã”. | - Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì việc thực hiện chỉ đạo không quy định tên của các Bộ tại dự thảo Luật sẽ thực hiện khi sửa đổi tổng thể từng luật để đảm bảo tính thống nhất đồng bộ các nội dung của từng luật.  - Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa tại dự thảo Luật theo ý kiến góp ý.  - Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa tại dự thảo Luật theo ý kiến góp ý. | |
|  | Bộ Tư pháp | **3. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục và kỹ thuật soạn thảo văn bản**  **3.1.** Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, xây dựng dự thảo Luật theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, người làm thực tiễn, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Luật (đảm bảo đúng và đầy đủ các tài liệu (cả về hình thức và nội dung) theo quy định tại Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật BHVBQPPL (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)) gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ cho ý kiến và trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó lưu ý:  - Dự án Luật phải đảm bảo chất lượng, dễ hiểu, dễ áp dụng, luật hóa những vấn đề “đã chín, đã rõ, được thực tế chứng minh là đúng, đa số đồng tình”; luật quy định “khung” về những vấn đề mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định những nội dung cụ thể phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các chính sách mới.  - Trong quá trình xây dựng dự án Luật, cần bám sát các chỉ đạo của Bộ Chính trị và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng yêu cầu đổi mới tư duy lập pháp, xây dựng luật ngắn gọn, đúng thẩm quyền của Quốc hội. Theo đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm tại Tờ trình một số chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến việc hoàn thiện thể chế, pháp luật được ban hành trong thời gian vừa qua, như: Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.  Ngoài ra, đề nghị thực hiện nghiêm túc Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.  - Đối với tờ trình dự án Luật, đề nghị nêu rõ nội dung và lý do nội dung được sửa đổi, hoàn thiện; được bổ sung mới; được lược bỏ; được cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; được phân quyền, phân cấp; các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo và kiến nghị phương án giải quyết.  - Đề nghị giải trình rõ về mối quan hệ, sự tương đồng về nội dung, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của các Luật sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật này; đảm bảo tính khả thi, thống nhất, đồng bộ và gắn kết của các nội dung trong chính dự thảo Luật. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát các chủ trương, chỉ đạo của cấp trên để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Luật. Đồng thời, bổ sung một số nội dung tại Tờ trình và các tài liệu kèm theo dự án Luật | |
|  | Bộ Tư pháp | **3.2.** Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện theo đúng quy định tại Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ví dụ: Một số nội dung sửa đổi, bổ sung không ghi cụ thể mà chỉ ghi sửa đổi, bổ sung một khoản/một số khoản vào Điều (như: khoản 5, 6 Điều 1; khoản 2, 6 Điều 2; khoản 10, 12, 13, 14, 16, 17, 19, 21, 29 Điều 13...). Đề nghị ghi rõ ràng điều, khoản, điểm cụ thể được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật cho thống nhất. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa tại dự thảo Luật | |
|  | Bộ Tư pháp | **1.** **Về sự cần thiết ban hành Luật**  **1.1.** Tại mục I dự thảo Tờ trình (trang 1-6), Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã nêu cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn của việc xây dựng dự án Luật; đồng thời, ngày 18/7/2025, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 368/TB-VPCP về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp về đề xuất bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội[[2]](#footnote-2). Trên cơ sở đó, việc Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật Chăn nuôi; Luật Đa dạng sinh học; Luật Đê điều; Luật Địa chất và khoáng sản; Luật Đo đạc và Bản đồ; Luật Khí tượng thủy văn; Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng, Chống thiên tai; Luật Tài nguyên nước; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Thú y; Luật Thủy lợi; Luật Thủy sản; Luật Trồng trọt là đúng nhiệm vụ được giao và có căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10[[3]](#footnote-3), khoản 2 Điều 26[[4]](#footnote-4) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15) (sau đây gọi là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).  Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đầy đủ các chỉ đạo gần đây của Lãnh đạo Chính phủ về tiến độ trình dự thảo Luật. Ví dụ: Thông báo số 368/TB-VPCP ngày 18/7/2025 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 820/TTg-QHĐP ngày 10/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV… | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã bổ sung đầy đủ các chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về tiến độ dự thảo Luật tại Tờ trình Chính phủ. | |
|  | Bộ Tư pháp | **1.2.** Về phạm vi điều chỉnh, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 16 Luật, gồm: Luật Bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật Chăn nuôi; Luật Đa dạng sinh học; Luật Đê điều; Luật Địa chất và khoáng sản; Luật Đo đạc và Bản đồ; Luật Khí tượng thủy văn; Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng, Chống thiên tai; Luật Tài nguyên nước; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Thú y; Luật Thủy lợi; Luật Thủy sản; Luật Trồng trọt. Hiện nay, cơ quan chủ trì soạn thảo đang xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản[[5]](#footnote-5); Nghị quyết của Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản[[6]](#footnote-6). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không đưa nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và khoáng sản vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 16 luật lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong triển khai thi hành, tra cứu, áp dụng pháp luật.  Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc phạm vi điều chỉnh, theo đó ưu tiên tập trung vào 03 nội dung chính theo Thông báo số 368/TB-VPCP ngày 18/7/2025 của Văn phòng Chính phủ: **(i)** Luật hóa các nội dung, quy định liên quan đến sắp xếp bộ máy hành chính, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh; **(ii)** Sửa đổi, bổ sung những nội dung đang là "điểm nghẽn" có tính chất phổ quát ở tất cả các tỉnh, thành phố mà nếu được sửa đổi sẽ tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; những nội dung có cơ sở chính trị rõ ràng được nêu tại các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, lãnh đạo chủ chốt, Thủ tướng Chính phủ; những vấn đề đang được thí điểm, thực tiễn chứng minh là đúng, những vấn đề đã chín, đã rõ mang lại hiệu quả, tích cực, bền vững, ổn định, lâu dài; và **(iii)** không dùng việc sửa đổi, bổ sung luật để xử lý trường hợp cá biệt; cần ưu tiên sửa đổi theo hướng đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ của pháp luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo cần thuyết minh rõ, phân tách các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật theo các nhóm nào được xác định theo Thông báo số 368/TB-VPCP tại Tờ trình Chính phủ, báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.  Trường hợp phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật hiện hành, cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát tổng thể theo từng lĩnh vực cụ thể của ngành nông nghiệp và môi trường. Từ đó cân nhắc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành theo hướng tách riêng từng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng với mỗi lĩnh vực, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất và hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách pháp luật.  Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn diện các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo Báo cáo số 76-BC/ĐU ngày 02/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp về Kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, đảm bảo xử lý dứt điểm những tồn tại, bất cập do quy định pháp luật (ví dụ: Mục II.2.1, trang 8-9 Báo cáo số 76-BC/ĐU và các phụ lục kèm theo nêu nội dung chi tiết kết quả rà soát đối với lĩnh vực thuộc phạm vi phụ trách của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo các trường hợp: (i) quy định mâu thuẫn, chồng chéo trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật hoặc giữa các văn bản quy phạm pháp luật; (ii) quy định của văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật; (iii) quy định của văn bản quy phạm pháp luật tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; chưa có quy định hoặc có quy định của văn bản quy phạm pháp luật nhưng hạn chế việc đổi mới sáng tạo, phát triển động lực tăng trưởng mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế). | - Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã đưa nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và khoáng sản khỏi dự thảo Luật.  - Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật theo 03 nội dung chính theo Thông báo số 368/TB-VPCP ngày 18/7/2025 của Văn phòng Chính phủ.  - Đối với ý kiến về đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành theo hướng tách riêng từng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng với mỗi lĩnh vực, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất và hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách pháp luật: Qua rà soát, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định nếu tách riêng từng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng với 15 Luật tại thời điểm hiện nay là không khả thi[[7]](#footnote-7), gây lãng phí nguồn lực. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã xác định sẽ sửa đổi toàn diện các luật của 15 lĩnh vực này nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI để đảm bảo tính khả thi.  - Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát toàn diện các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo Báo cáo số 76-BC/ĐU ngày 02/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp về Kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, đảm bảo xử lý dứt điểm những tồn tại, bất cập do quy định pháp luật | |
|  | Bộ Tài chính | **III. Ý kiến cụ thể đối với dự thảo Tờ trình**  1. Đề nghị bỏ nội dung đánh giá về việc chưa quy định nội dung về “phí, lệ phí” dẫn đến khó khăn trong đảm bảo thị trường các-bon vận hành ổn định (nêu tại dự thảo Tờ trình Chính phủ - gạch đầu dòng thứ 2 trang 13 điểm 3.1 (c) Mục III), vì các lý do sau:  - Phí, lệ phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công hoặc phục vụ công việc quản lý nhà nước. Ở Việt Nam, thị trường các-bon trong nước theo quy định tại Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường (thị trường tuân thủ) chưa hình thành nên chưa thể có quy định về phí, lệ phí đối với thị trường này.  - Tại điểm 1b Mục 1 Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 quy định: “*Các chính sách thuế (phí, lệ phí) chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế (phí, lệ phí) và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan*”.  - Tại khoản 4 Điều 20 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm của các Bộ: “*Kiến nghị với Bộ Tài chính về những hoạt động cần thu phí, lệ phí, để Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí; kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý*.”  Trường hợp cần thiết có quy định về phí, lệ phí liên quan, đề nghị Bộ NN&MT nghiên cứu, có kiến nghị theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nêu trên.  2. Dự thảo Tờ trình Chính phủ có đề xuất bổ sung tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và biến đổi khí hậu (thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính) là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, việc đề xuất sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh phải được phân tích sự cần thiết, căn cứ sửa đổi, bổ sung, đánh giá tính hợp lý, khả thi, sự phù hợp với điều ước quốc tế về đầu tư, đánh giá tác động đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của các đối tượng phải tuân thủ... Do đó, đề nghị đánh giá cụ thể các nội dung nêu trên đối với đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để có cơ sở báo cáo Chính phủ.  3. Đề nghị Bộ NN&MT đánh giá kỹ về việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Thủy lợi thời gian qua[[8]](#footnote-8). Ngoài ra, tại văn bản hướng dẫn Luật Thủy lợi đã quy định việc sắp xếp, kiện toàn các chủ thể khai thác công trình thủy lợi phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 23. Do đó cần đánh giá kỹ hơn khó khăn, vướng mắc, nội dung giải trình khi thực hiện quy định này để đảm bảo việc bổ sung quy định về chủ thể khai thác công trình thủy lợi khả thi khi thực hiện. Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở, tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ NN&MT có ý kiến hiện nay có nhiều tổ chức thủy lợi cơ sở, hoạt động không hiệu quả do nhân lực thường xuyên thay đổi, trình độ yếu và kinh phí hoạt động hạn chế; đồng thời chủ yếu quản lý thủy lợi nhỏ và thủy lợi nội đồng, đặc biệt tổ hợp tác không có tư cách pháp nhân. Do đó, đề nghị nghiên cứu đánh giá để quy định rõ phương thức khai thác công trình thủy lợi phù hợp, thuận lợi khi thực hiện đối với loại hình này đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và thực hiện khả thi trong thực tiễn, tránh trường hợp quy định đã ban hành, tổ chức thủy lợi cơ sở không thực hiện được.  4. Đối với quy định nhà đầu tư tín chỉ các-bon bao gồm “*cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là ... đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư tín chỉ các-bon theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả*” (tại điểm a khoản 36 Điều 1 dự thảo Luật), đề nghị rà soát, bổ sung cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tế khi quy định mức thuế thu nhập tối thiểu của nhà đầu tư tín chỉ các-bon.  5. Đối với quy định “*Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ; doanh nghiệp nhà nước, tổ chức không thuộc lực lượng vũ trang được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng và đất rừng được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng*” (tại khoản 12 Điều 9 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 Luật Lâm nghiệp), đề nghị thuyết minh làm rõ nội dung kinh phí bảo đảm cho các hoạt động của Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (theo quy định tại Nghị định số 01/2019/NĐ-CP, lực lượng này bao gồm viên chức và lao động hợp đồng) và bổ sung đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước. Trường hợp đối với chủ rừng là đơn vị sự nghiệp công lập, kinh phí hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.  6. Trong quá trình phối hợp để sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến lĩnh vực thủy lợi *do Bộ Tài chính chủ trì,* Bộ Nông nghiệp và Môi trường có đề xuất một số nội dung sửa đổi nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quản lý khai thác công trình thủy lợi (như danh mục sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác, quy định về cơ chế đặt hàng riêng cho sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, nội dung đặc thù riêng của lĩnh vực thủy lợi,...). Do đó, đề nghị đánh giá tổng thể để sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật Thủy lợi sửa đổi và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy lợi sửa đổi theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao. | Các nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật và sẽ tiếp tục được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung toàn diện từng dự án Luật nhiệm kỳ Quốc hội XVI | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | **I. Về nội dung dự thảo Tờ trình**  a) Đề xuất bổ sung tại điểm c khoản 3.1 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường) Phần III như sau:  *“Về pháp nhân (tên gọi) của Quỹ Bảo vệ môi trường: Theo khoản 1 Điều 151 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam và quỹ cấp tỉnh là tổ chức tài chính nhà nước và vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường cấp tỉnh do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn đầu tư công theo điểm a khoản 1 Điều 159 Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2019 chỉ đề cập đến khái niệm quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và không có “tổ chức tài chính nhà nước” trong đối tượng đầu tư công. Quy định chưa thống nhất như trên dẫn đến khó khăn trong quá trình cấp vốn cho các quỹ bảo vệ môi trường. Do đó, để đồng bộ các quy định pháp luật và giải quyết vướng mắc trong thực tiễn, cần sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường theo hướng quy định Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và quỹ cấp tỉnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”.*  b) Tại nội dung 1 điểm a khoản 3.2 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật) Phần III, đề cập “Nhóm nội dung sửa đổi, bổ sung về phân quyền: Điểm a khoản 12, điểm b khoản 12 Điều 2 dự thảo Luật: *Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 67*; điểm b khoản 2 Điều 37 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật.” Tuy nhiên, tại Điểm a khoản 12 dự thảo Luật đề cập: “*a) Bãi bỏ ….; khoản 4, 5 Điều 67*.”. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát lại nội dung Tờ trình và dự thảo Luật cho thống nhất bãi bỏ hay sửa đổi khoản 5 Điều 67. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã bổ sung tại dự thảo Luật. Nội dung này cũng đã được Bộ Tư pháp báo cáo tại Báo cáo số 76-BC/ĐU ngày 02/8/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp về Kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật (trong đó có lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Mục II.2.1, trang 8-9 Báo cáo số 76-BC/ĐU và các phụ lục kèm theo) để xử lý dứt điểm tại dự thảo Luật những tồn tại, bất cập do quy định pháp luật mà cần phải xử lý ngay trong năm 2025 theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | Tại khoản 2, Điều 2 dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đang được Bộ Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến góp ý, **tín chỉ các-bon rừng** được định nghĩa là “*tín chỉ các-bon do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan quản lý tiêu chuẩn quốc tế cấp cho kết quả giảm phát thải từ rừng*”. Tuy nhiên, tại mục d, khoản 1, Điều 9 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật Chăn nuôi; Luật Đa dạng sinh học; Luật Đê điều; Luật Địa chất và khoáng sản; Luật Đo đạc và bản đồ; Luật Khí tượng thủy văn; Luật Lâm nghiệp; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Tài nguyên nước; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Thú y; Luật Thủy lợi; Luật Thủy sản; Luật Trồng trọt, **tín chỉ các-bon rừng** được định nghĩa là “*kết quả giảm phát thải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức quốc tế công nhận*”; kiến nghị sử dụng thống nhất định nghĩa về tín chỉ các-bon rừng giữa các dự thảo nói trên. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật và sẽ tiếp tục được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung toàn diện dự thảo Luật Bảo vệ môi trường năm 2026 | |
| **II. DỰ THẢO LUẬT** | | |  |
| **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường** | | |  |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 25 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường), đề nghị cân nhắc nghiên cứu, chỉnh lý theo hướng chỉ giao 01 cơ quan (Bộ NN&MT hoặc Bộ Tài chính) ban hành phương pháp định giá chung cho việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt để đảm bảo thống nhất, không chồng lấn nhiệm vụ. Do:  Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 73 và Phụ lục số 2 Luật Giá và Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2024/TT-BTC, trong đó quy định phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ NN&MT) đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, trong đó quy định phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.  Như vậy, trong 03 công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thì 02 công đoạn thu gom và vận chuyển thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC, còn 01 công đoạn xử lý thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. | Bộ NN&MT giải trình như sau:  Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật sửa đổi để đảm bảo phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện thống nhất theo quy định pháp luật về giá và thống nhất cơ quan chủ trì quản lý về giá là Bộ Tài chính.  Nội dung về định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy định tại Điều 31 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT như sau: “Phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá.”. Như vậy, 03 công đoạn thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đều thống nhất được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC. | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 31 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung điểm a[[9]](#footnote-9) khoản 2 Điều 92 Luật Bảo vệ môi trường), đề nghị bổ sung quy định cụ thể để thực hiện thống nhất. Do quy định tại dự thảo chưa rõ là quản lý chất có chứa trong thiết bị, sản phẩm hoặc được sử dụng để sản xuất thiết bị, sản phẩm hay quản lý thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát. | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ NN&MT nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026 | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 36 Điều 1 dự thảo Luật (bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường), đề nghị quy định nội dung về chủ thể tham gia giao dịch trên thị trường các-bon trong nước theo hướng giao Chính phủ quy định cụ thể để bảo đảm linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành, bảo đảm phù hợp với mô hình thị trường (thị trường tuân thủ hay thị trường tự nguyện) và mục tiêu của thị trường (là kênh đầu tư hay là một biện pháp giảm phát thải khí nhà kính) theo từng thời kỳ. Trường hợp cần thiết phải quy định cụ thể tại Luật về chủ thể tham gia giao dịch trên thị trường các-bon, đề nghị quy định theo hướng các tổ chức trung gian (thực hiện hỗ trợ giao dịch) tham gia giao dịch trên thị trường các-bon trong nước theo quy định của Chính phủ. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật và sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong quá trình để sửa đổi, bổ sung toàn diện dự án Luật Bảo vệ môi trường | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại điểm c khoản 36 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 7, 8, 9, 10, 11 Điều 139 Luật bảo vệ môi trường), đề nghị sửa cụm từ “tỷ lệ hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ miễn phí” thành “không thu tiền phân bổ tỷ lệ hạn ngạch phát thải khí nhà kính” hoặc “tỷ lệ hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ không thu tiền” để tránh nhầm lẫn đây là khoản phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí. Đồng thời, đề nghị sửa tương ứng tại gạch đầu dòng thứ 2 trang 13 điểm 3.1 (c) Mục III dự thảo Tờ trình Chính phủ. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật và sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong quá trình để sửa đổi, bổ sung toàn diện dự án Luật Bảo vệ môi trường | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại điểm c khoản 36 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 7, 8, 9 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường), đề nghị chỉnh lý theo hướng (i) bãi bỏ khoản 9, (ii) chuyển nhiệm vụ chủ trì phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính thông qua hình thức đấu giá cho Bộ NN&MT chủ trì và gộp nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại khoản 8 và nhiệm vụ của Bộ NN&MT tại khoản 10. Do:  + Việc tổ chức đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính là một phương pháp phân bổ hạn ngạch (gồm phương pháp phân bổ miễn phí và phân bổ qua đấu giá); Bộ NN&MT là cơ quan chủ trì thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, chủ trì quản lý/chịu trách nhiệm về hàng hóa trên thị trường các-bon trong nước.  + Việc thành lập thị trường các-bon đòi hỏi phải tạo lập hàng hóa (hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon), xác định chủ thể tham gia, thiết lập sàn giao dịch (nếu có),… Trong khi đó, thực tế Bộ Tài chính chỉ thực hiện thiết lập sàn giao dịch, hàng hóa và chủ thể tham gia trên thị trường các-bon thuộc trách nhiệm của Bộ NN&MT. Đồng thời, từ trước đến nay, việc quản lý các hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên thị trường tự nguyện (không thuộc phạm vi của sàn giao dịch các-bon – dự kiến được Bộ Tài chính thành lập trong thời gian tới) đều là trách nhiệm của Bộ NN&MT. Ngoài ra, việc quy định giao Bộ Tài chính thành lập thị trường các-bon trong nước cũng không còn cần thiết do nhiệm vụ cụ thể của các Bộ, ngành liên quan đến thành lập thị trường các-bon đã được xác định tại các văn bản khác[[10]](#footnote-10).  + Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 phê duyệt Đề án Thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam; trong đó đã giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan để thành lập thị trường các-bon. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật và sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong quá trình để sửa đổi, bổ sung toàn diện dự án Luật Bảo vệ môi trường | |
|  | Bộ Tài chính | - Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường theo hướng: thị trường các-bon trong nước là nơi giao dịch tập trung hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trừ các tín chỉ các-bon được trao đổi, giao dịch với đối tác nước ngoài theo các Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật và sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong quá trình để sửa đổi, bổ sung toàn diện dự án Luật Bảo vệ môi trường | |
|  | Bộ Tài chính | a) Về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 (khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật): Luật Đầu tư năm 2020 không quy định tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, dự thảo Luật quy định việc *“đánh giá tác động môi trường do chủ dự án đầu tư tự thực hiện hoặc thông qua đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường”* có thể không phù hợp, thống nhất với quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư (Bộ trưởng không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung này cho phù hợp | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật và sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong quá trình để sửa đổi, bổ sung toàn diện dự án Luật Bảo vệ môi trường | |
|  | Bộ Tài chính | b) Về sửa đổi, bổ sung Điều 41 (khoản 10 Điều 1 dự thảo Luật): Khoản 4 Điều 41 quy định *“Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc khu vực dự án đầu tư, cơ sở triển khai thực hiện cấp giấy phép môi trường theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở”*. Như vậy, theo quy định này, việc xác định Ủy ban nhân dân tỉnh nào thực hiện cấp giấy phép môi trường theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở… Để tránh có sự tùy nghi, linh hoạt lớn, tránh phát sinh những phức tạp mới trong tổ chức thực hiện; đồng thời, để có cơ sở pháp lý chắc chắn cho chủ dự án đầu tư, cơ sở đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cấp giấy phép môi trường, cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ hơn tiêu chí, điều kiện cụ thể để chủ dự án đầu tư, cơ sở thực hiện việc đề nghị của mình. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Nội dung đề xuất sửa đổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho chủ dự án đầu tư, cơ sở khi thực hiện TTHC về môi trường. Theo đó Chủ dự án, cơ sở được lựa chọn cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT là một trong các tỉnh thuộc khu vực dự án đầu tư, cơ sở triển khai để bảo đảm thuận lợi nhất cho mình. | |
|  | Bộ Tài chính | c) Về sửa đổi, bổ sung Điều 52 (khoản 15 Điều 1 dự thảo Luật): Khoản 1 Điều 52 quy định *“Cụm công nghiệp phải có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này, trừ trường hợp đặc thù có quy mô nhỏ do Chính phủ quy định”*. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn thế nào là “đặc thù có quy mô nhỏ”, các tiêu chí đánh giá tính đặc thù, trình tự, thủ tục thực hiện để bảo đảm thống nhất trong cách hiểu và áp dụng pháp luật. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Việc sửa đổi, bổ sung Điều này được thực hiện theo đề xuất, kiến nghị của các địa phương. Do vậy, trong quá trình dự thảo Nghị định hướng dẫn, đơn vị chủ trì sẽ lấy ý kiến các địa phương để thống nhất tiêu chí “quy mô nhỏ” theo hướng “quy mô về diện tích” hoặc “quy mô về lưu lượng xả nước thải”. | |
|  | Bộ Tài chính | d) Về sửa đổi, bổ sung Điều 54, Điều 55 (khoản 16, 17 Điều 1 dự thảo Luật): Nội dung về trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu là nội dung quan trọng và được dư luận xã hội quan tâm, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá kỹ lưỡng, xác định đúng các khó khăn, vướng mắc để đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung phù hợp, khả thi. Ví dụ: Điểm c khoản 2 Điều 54 quy định tổ chức, cá nhân được lựa chọn thực hiện tái chế sản phẩm, bao bì theo hình thức *kết hợp giữa hai hình thức tái chế sản phẩm, bao bì và đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì*.Đề nghị làm rõ hơn quy định này, như: tỷ lệ giữa tái chế và đóng góp tài chính vào Quỹ là bao nhiêu? việc tái chế và đóng góp được tính như thế nào? cơ quan nào sẽ kiểm tra, giám sát việc kết hợp vừa tái chế, vừa đóng góp vào Quỹ cũng như cơ sở, căn cứ, công thức tính toán nào đối với trường hợp này? | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ NN&MT nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026 | |
|  | Bộ Tài chính | e) Về bổ sung khoản 2a Điều 139 (khoản 36 Điều 1 dự thảo Luật) quy định nhà đầu tư tín chỉ các-bon. Hiện nay, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ ban hành Nghị định về sàn giao dịch các-bon trong nước, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tài chính, cân nhắc quy định về nhà đầu tư tín chỉ các-bon thuộc phạm vi của dự thảo Luật này hay dự thảo Nghị định về sàn giao dịch các-bon trong nước để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.  Ngoài ra, nội dung của quy định này còn đề cập đến các yêu cầu, điều kiện nhưng chưa được quy định rõ ràng, cụ thể, như: *“Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên ... đồng hoặc tổ chức đăng ký giao dịch”* (điểm b khoản 2a); *“Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là ... đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư tín chỉ các-bon theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả”* (điểm c khoản 2a), đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý và hoàn thiện đảm bảo sự rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện và chi phí tuân thủ thấp. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật và sẽ tiếp tục được nghiên cứu trong quá trình để sửa đổi, bổ sung toàn diện dự án Luật Bảo vệ môi trường | |
|  | Bộ Tài chính | g) Một số quy định tại Điều 1 dự thảo Luật chưa đảm bảo tính chính xác, hợp lý, như: khoản 12 Điều 1 sửa đổi, bổ sung Điều 43 vẫn quy định về Ủy ban nhân dân cấp huyện (điểm b khoản 4 Điều 43); khoản 13 Điều 1 sửa đổi tên Điều 44 nhưng không có quy định sửa nội dung Điều 44 dẫn đến không đảm bảo tính nhất quán giữa tên và nội dung của điều… Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp, khả thi. | Bộ NN&MTđã chỉnh sửa theo hướng giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về hoạt động thẩm định cấp giấy phép môi trường, không quy định trong dự thảo Luật.  Điều 44 đã được rà soát và bảo đảm tính thống nhất | |
| Điểm c khoản 3 Điều 1 | Thanh tra Chính phủ | - Đề nghị giải trình rõ lý do đưa vào quy định tại Luật.  - Nêu rõ “Dự án không thuộc loại.... quy mô công suất lớn” là loại hình nào.  **Lý do:** - Công suất Trung bình đã được quy định tại điểm này; công suất nhỏ trùng với điểm a, khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.   - Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 thì “Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật ..... diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu”; theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 cũng quy định “ cách diễn đạt phải chính xác, phổ thông, thống nhất, rõ ràng, dễ hiểu” | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Về danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường kèm theo công suất; quy mô dự án đầu tư đang được Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Do đó không phải quy định nội dung này trong Dự thảo Luật. | |
|  | Thanh tra Chính phủ | Đề nghị rà soát toàn bộ Dự thảo Luật để đổi tên “Bộ Tài nguyên và Môi trường” thành “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” Đã đổi tên sau khi sáp nhập | Tiếp thu ý kiến, Bộ NNMT đã rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý | |
|  | Thanh tra Chính phủ | Đề nghị rà soát và đề xuất phân cấp, phân quyền một số nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Luật Tài nguyên nước 2025 Để phù hợp với thực tiễn và chủ trương về phân cấp, phân quyền hiện nay. | Tiếp thu ý kiến, Bộ NNMT đã rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý | |
| Tiêu đề và điểm a khoản 11 | Thanh tra Chính phủ | Bỏ chữ “d” vì Rà soát trùng lặp quy định: Lời mở đầu trùng với điểm b vì Dự thảo chỉ thay đổi nội dung tại điểm c và đ; nội dung  điểm d không thay đổi. | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026 | |
| Điểm b khoản 12 | Thanh tra Chính phủ | Đề nghị sửa đổi cụm từ “Uỷ ban nhân dân cấp huyện” để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Lý do: Quy định tại Điều 1 của Luật từ “Ủy ban Tổ chức chính quyền địa cấp phương “Đơn vị hành chính huyện” để phù hợp của nước Cộng hòa xã hội với Luật Tổ chức chủ nghĩa Việt Nam được tổ chính quyền địa chức thành 02 cấp....”. | Bộ NN&MTđã chỉnh sửa theo hướng giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về hoạt động thẩm định cấp giấy phép môi trường, không quy định trong dự thảo Luật. | |
| Khoản 13 | Thanh tra Chính phủ | Đề nghị rà soát, nghiên cứu bỏ khoản 1 Điều  44 vì Nội dung chi tiết của Điều 44 chưa phù hợp với nội dung mũ Điều 44; Nội dung cấp đổi không còn tại tên mũ điều của Điều 44; khoản 1 Điều 44 quy định nội dung “cấp đổi” có phù hợp với tên mũ điều không? | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Nội dung bãi bỏ của Điều 44 được quy định tại điểm a khoản 31 | |
| Khoản 16 | Thanh tra Chính phủ | Đề nghị bổ sung điểm b tại khoản 4 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường vì Dự thảo sắp xếp điểm a rồi đền điểm c(thiếu điểm b) | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ NN&MT nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026 | |
| Điểm b khoản 29 | Thanh tra Chính phủ | Bỏ quy định này vì Nội dung này đã được phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Điều 40 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật | |
| Điểm c khoản 36 | Thanh tra Chính phủ | Bỏ quy định này vì Quy định này giống quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2022. | Tiếp thu ý kiến góp ý, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật | |
| Điểm a khoản 39 | Thanh tra Chính phủ | Bổ sung khoản 8 Điều 139. Lý do: Cần sửa lại tên Bộ. | Tiếp thu ý kiến, Bộ NNMT đã rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Đề nghị sửa đổi cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” thành “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 27 và điểm c khoản 36. Cụ thể:  - Theo dự thảo:  *“27. Sửa đổi khoản 4 Điều 84 như sau:*  *4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải nguy hại.”*  - Đề xuất sửa thành:  “27. Sửa đổi khoản 4 Điều 84 như sau:  4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải nguy hại.”  - Theo dự thảo:  *“36. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 139; sửa đổi, bổ sung khoản 4, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 139 như sau:*  *c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7, 8, 9, 10, 11 Điều 139 như sau:*  *8. Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo giai đoạn và hằng năm; tỷ lệ hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ miễn phí, tỷ lệ hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ thông qua đấu giá.”*  - Đề xuất sửa thành:  “…c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7, 8, 9, 10, 11 Điều 139 như sau:  8. Bộ Nông nhiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo giai đoạn và hằng năm; tỷ lệ hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ miễn phí, tỷ lệ hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ thông qua đấu giá.”. | Bộ NN&MT đã tiếp thu và hoàn thiện trong Dự thảo Luật | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Tại điểm b khoản 3 quy định: “*3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28 như sau: b) Sửa đổi điểm d khoản 3 như sau: “d) Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô, công suất lớn hoặc với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường*.” thuộc dự án đầu tư nhóm I và thuộc đối tượng thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường.  Đề nghị đơn vị soạn thảo quy định rõ “*dự án khai thác khoáng sản*…” có bao gồm các dự án đầu tư xây dựng, trong đó có hoạt động thu hồi khoáng sản trong khu vực xây dựng công trình hay không (hay chỉ áp dụng đối với các dự án có mục tiêu sản xuất kinh doanh là khai thác khoáng sản). | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  - Bộ NN&MT đã rà soát, không sửa đổi quy định tại điểm b khoản 3 nêu trên trong Dự thảo Luật.  - Về dự án đầu tư xây dựng công trình có hoạt động thu hồi khoáng sản: Nội dung này đã được Chính phủ quy định chi tiết tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP theo hướng không phân loại trường hợp này là dự án khai thác khoáng sản. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | c) Xuyên suốt tại các Điều, khoản quy định của Luật Bảo vệ môi trường có nêu chủ thể là “chủ dự án đầu tư”, “chủ cơ sở”; “dự án đầu tư”, “cơ sở” và nhiều nội dung quy định phân biệt về công tác bảo vệ môi trường giữa dự án đầu tư, cơ sở đang hoạt động. Về thủ tục hành chính có các thủ tục khác nhau như: thủ tục đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường (đối với trường hợp không thuộc đối tượng đánh giá tác động môi trường) cho các dự án đầu tư tại giai đoạn chuẩn bị dự án, cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư trước khi đi vào vận hành, cấp giấy phép môi trường cho cơ sở đang hoạt động, đăng ký môi trường đối với trường hợp không thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường; tuy nhiên, ngoài nội dung giải thích từ ngữ “Chủ dự án đầu tư” tại khoản 38 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường chưa có giải thích từ ngữ “chủ cơ sở”; “dự án đầu tư”, “cơ sở”. | Bộ NN&MT xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu, hoàn thiện trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | d) Tại khoản 5 (Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 31):  - Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 “*Đánh giá tác động môi trường do chủ dự án đầu tư tự thực hiện hoặc thông qua đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đánh giá tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án*.”, dự thảo bổ sung quy định Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định điều kiện thực hiện của đơn vị tư vấn.  Đề nghị cân nhắc sự cần thiết Luật Bảo vệ môi trường phải quy định việc thuê đơn vị tư vấn của chủ đầu tư và việc giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định điều kiện hoạt động của đơn vị tư vấn (quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thông qua hợp đồng dân sự, thuê hay không thuê đơn vị tư vấn thì Luật Bảo vệ môi trường chỉ quy định chủ đầu tư chịu trách nhiệm đối với hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường). Trường hợp cần thiết quy định về điều kiện của đơn vị tư vấn thì kiến nghị nghiên cứu, quy định thêm trách nhiệm và đồng bộ pháp luật về môi trường và pháp luật về đầu tư về lĩnh vực hoạt động kinh doanh có điều kiện.  - Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31*“Trường hợp dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia thành các dự án thành phần thì báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập cho từng dự án thành phần.*  *Trường hợp dự án đã được phân kỳ đầu tư theo quy định của pháp luật, báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập cho mỗi giai đoạn thực hiện phân kỳ đầu tư; báo cáo đánh giá tác động môi trường của phân kỳ sau phải đánh giá tổng hợp tác động đến môi trường của cả các phân kỳ trước của dự án”.*  Việc phân chia dự án đầu tư xây dựng thành dự án thành phần và phân kỳ đầu tư đã được quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 50 Luật Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng). Theo đó, “*a) Dự án đầu tư xây dựng được phân chia thành các dự án thành phần khi mỗi dự án thành phần có thể vận hành, khai thác độc lập. Các dự án thành phần sau khi phân chia được quản lý như đối với dự án độc lập*”; còn phân kỳ đầu tư được quy định như sau: “*b) Việc phân kỳ đầu tư được thể hiện trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và quyết định đầu tư xây dựng, phù hợp với tiến độ, thời gian thực hiện dự án trong nội dung quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng*”.  Căn cứ quy định nêu trên, có thể thấy trường hợp dự án được phân chia thành dự án thành phần phù hợp với điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường; *cần cân nhắc trường hợp “phân kỳ đầu tư” về phạm vi thực hiện thủ tục môi trường, tiêu chí môi trường để xem xét, xác định thủ tục môi trường…*  Ngoài ra, căn cứ khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường, dự án được phân kỳ sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, sẽ được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo phân kỳ (Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng), hoàn tất thủ tục xây dựng, được cấp giấy phép môi trường và đi vào vận hành; khi đó, báo cáo đánh giá tác động môi trường đã hết hiệu lực kể từ khi Giấy phép môi trường có hiệu lực (khoản 6 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường). Mặt khác, khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường đã quy định “Giấy phép môi trường được cấp sau sẽ tích hợp nội dung Giấy phép môi trường được cấp trước vẫn còn hiệu lực” nên cần cân nhắc quy định “…*báo cáo đánh giá tác động môi trường của phân kỳ sau phải đánh giá tổng hợp tác động đến môi trường của cả các phân kỳ trước của dự án”.* | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  1. Đối với ý kiến liên quan đến điều kiện đơn vị tư vấn: Bộ NN&MT đã rà soát, không đưa quy định này trong Dự thảo Luật.  2. Đối với ý kiến liên quan đến phân kỳ đầu tư, phân chia dự án thành phần, Bộ NN&MT xin làm rõ như sau:  2.1. Về quy định thực hiện ĐTM cho dự án thành phần:  - Điểm a khoản 2 Điều 50 Luật Xây dựng quy định *“Dự án đầu tư xây dựng được phân chia thành các dự án thành phần khi mỗi dự án thành phần có thể vận hành, khai thác độc lập.* ***Các dự án thành phần sau khi phân chia được quản lý như đối với dự án độc lập****. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, việc phân chia dự án thành phần được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Đối với các dự án còn lại, việc phân chia dự án thành phần do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án hoặc khi quyết định đầu tư xây dựng, bảo đảm các yêu cầu nêu tại quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc quy định của pháp luật có liên quan (nếu có), trừ trường hợp luật có quy định khác”.* Theo quy định này, mỗi dự án thành phần được quản lý như đối với dự án lập. Trong thời gian vừa qua, nhiều chủ dự án đã lập báo cáo ĐTM cho từng dự án thành phần trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định (như các dự án thành phần đường cao tốc được Quốc hội quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư).  - Việc đề xuất bổ sung quy định về thực hiện ĐTM cho dự án thành phần nêu trên nhằm làm rõ hơn quyền của chủ các dự án thành phần khi thực hiện TTHC về môi trường; bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ giữa pháp luật về BVMT với pháp luật về đầu tư công, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.  - Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NN&MT đã chỉnh sửa nội dung này để làm rõ việc xác định đối tượng phải thực hiện ĐTM cho dự án thành phần như sau: “Trường hợp dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia thành các dự án thành phần thì báo cáo đánh giá tác động môi trường ***được lập cho từng dự án thành phần có tiêu chí về môi trường thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường***”. Theo đó, dự án thành phần không có tiêu chí thuộc đối tượng thực hiện ĐTM thì không phải lập báo cáo ĐTM.  2.2. Về quy định thực hiện ĐTM cho phân kỳ đầu tư dự án:  - Theo quy định của Luật BVMT 2020 hiện hành, mỗi dự án đầu tư lập 01 báo cáo ĐTM, quy định này áp dụng cho cả các trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư thực hiện theo nhiều giai đoạn. Thực tế triển khai đã có nhiều trường hợp chủ dự án khi lập báo cáo ĐTM và báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án nhưng chỉ nghiên cứu cho giai đoạn đầu mà chưa có đánh giá chi tiết cụ thể cho tổng thể dự án (do chưa có kế hoạch sản xuất, kinh doanh).  - Ngày 30/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, trong đó đã bổ sung quy định cho phép chủ dự án được lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo phân kỳ đầu tư dự án. Trong khi đó, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng.  Do vậy, việc bổ sung quy định cho phép chủ dự án được lập báo cáo ĐTM cho từng phân kỳ đầu tư nhằm bảo đảm đồng bộ giữa pháp luật về BVMT với pháp luật về xây dựng.  - Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến, Bộ NN&MT đã rà soát, đề xuất chỉnh lý để quy định rõ hơn nội dung này như sau: *“Trường hợp dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và được phân kỳ đầu tư theo quy định của pháp luật, chủ dự án được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho mỗi giai đoạn thực hiện phân kỳ đầu tư, báo cáo đánh giá tác động môi trường của phân kỳ sau phải đánh giá tổng hợp tác động đến môi trường của cả các phân kỳ trước đó của dự án.”*. Theo quy định này, Chủ dự án được quyền lựa chọn việc lập báo cáo ĐTM theo phân kỳ đầu tư hoặc lập báo cáo ĐTM cho cả dự án; không phát sinh chi phí cho chủ dự án. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | đ) Tại khoản 6 (Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 34):  - Tại khoản 6 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường quy định thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường “không quá 30 ngày” đối với dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường; tại khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường quy định thời hạn cấp giấy phép môi trường “không quá 30 ngày” đối với giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  Tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo quy định thời hạn thẩm định “không quá 15 ngày” đối với án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường; tại khoản 12 Điều 1 dự thảo quy định thời hạn cấp giấy phép môi trường “không quá 15 ngày” đối với giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  Qua rà soát, sau khi thực hiện quy đổi từ “ngày” sang “ngày làm việc” thì với thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thời hạn cấp giấy phép môi trường quy định theo khoản 6, khoản 12 Điều 1 dự thảo nêu trên chỉ còn khoảng 10 ngày làm việc, sẽ không đảm bảo khi giải quyết thủ tục hành chính trên thực tế, do thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường yêu cầu thực hiện thẩm định thông qua thành lập “Hội đồng thẩm định”, “Đoàn kiểm tra”, do vậy, phải thực hiện gửi hồ sơ đến từng thành viên Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra có ý kiến nhận xét, đánh giá trước khi tổ chức phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định hoặc trước khi tổ chức Đoàn kiểm tra cấp phép; ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, phải tổ chức thực hiện “khảo sát thực tế dự án”, tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và chuyên gia trước khi tổ chức phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường; kiến nghị rà soát và điều chỉnh thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thời hạn cấp giấy phép môi trường phù hợp.  - Đối với nội dung sửa đổi tại khoản 9 Điều 34 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 “*Trường hợp quá 12 tháng kể từ ngày ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định mà báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án chưa đủ điều kiện để phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án có trách nhiệm lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định tại Điều 31, 32 và 33 Luật này trình cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều này*.”, đề nghị có quy định rõ thời hạn 12 tháng kể từ ngày ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định lần đầu (*sau khi họp Hội đồng thẩm định*) hay từ ngày văn bản thông báo kết quả thẩm định lần 2, lần 3,… (*vì có một số trường hợp chủ dự án giải trình chỉnh sửa nhiều lần mà vẫn chưa giải trình, chỉnh sửa bổ sung đầy đủ theo như nội dung của các thành viên Hội đồng thẩm định*).  - Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 34 “*Việc gửi hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiếp nhận, giải quyết và thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến*.”, đề nghị cân nhắc quy định nêu trên trong điều kiện hiện nay tại mỗi địa phương, tránh tình trạng sau khi Luật có hiệu lực thi hành, không thực hiện được trên thực tế; mặt khác, việc áp dụng ngay mỗi hình thức thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến nhưng điều kiện chưa sẵn sàng sẽ gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Do đó, chỉ nên khuyến khích và có thêm hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện như trước đây. | Bộ NN&MT đã rà soát và đề xuất chỉnh sửa theo hướng giao Bộ trưởng Bộ NN&MT quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải quyết TTHC về ĐTM, GPMT để bảo đảm linh hoạt theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với năng lực giải quyết tại các địa phương. Nội dung góp ý sẽ được nghiên cứu tiếp thu phù hợp trong quá trình Bộ NN&MT quy định chi tiết về nội dung này | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | e) Tại khoản 7 (Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35):  - Đề nghị xem xét, rà soát lại nội dung sửa đổi vì các nội dung trong phần gạch chân bị trùng, cụ thể:  “*Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này; dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật này thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; dự án đầu tư nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, cấp giấy phép nhận chìm ở biển, quyết định giao khu vực biển của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời thuộc một trong các trường hợp sau đây:…..;*  *b) Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, cấp giấy phép nhận chìm ở biển, quyết định giao khu vực biển của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;* *….*.”.  - Đề nghị quy định cụ thể về “*quy mô sử dụng đất, đất có mặt nước* ***lớn”*** là quy mô như thế nào. | - Về điểm b khoản 1 Điều 35: Bộ NN&MT xin tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý phù hợp nội dung này trong Dự thảo Luật.  - Đối với ý kiến liên quan đến quy mô sử dụng đất lớn: Nội dung này đang được quy định chi tiết tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP), theo đó quy mô từ 100ha trở lên là quy mô lớn. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | g) Tại khoản 8 (sửa đổi bổ sung điểm a khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường) quy định: *“a)* ***Có phát sinh nước thải, bụi, khí thải*** *xả ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức theo quy định của Chính phủ,”*:đề nghị bổ sung cụm từ “*chất thải*” sau đoạn “*có phát sinh nước thải, bụi, khí thải*” cho đầy đủ đối tượng thực hiện thủ tục đề nghị giấy phép môi trường. | Đề nghị giữ nguyên không bổ sung. Lý do: thực hiện cắt giảm đối tượng thủ tục hành chính (cắt giảm đối tượng phải có giấy phép môi trường) | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | h) Tại điểm b khoản 9 (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường)  Khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường quy định thời hạn cấp giấy phép môi trường; ngoài ra, tại điểm d Khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “*d) Thời hạn của giấy phép môi trường có thể ngắn hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b, c khoản này theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp…*”.  Theo điểm b khoản 9 Điều 1 dự thảo (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường), thời hạn của Giấy phép môi trường được quy định “*Không quá…năm…*” đối với mỗi đối tượng và tại khoản 4 Điều 40 không còn quy định tại điểm d, được hiểu là cơ quan cấp phép có thể xác định thời hạn của Giấy phép. Tuy nhiên, nếu được hiểu như nhận định trên, thì cần quy định các trường hợp cấp giấy phép dưới mức thời hạn tối đa. | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026 | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | k) Tại khoản 11 (Sửa đổi điểm c, d, đ khoản 1, khoản 5, khoản 6 Điều 42):  - Đối với nội dung tại điểm d khoản 1 Điều 42 “*Quy chuẩn kỹ thuật môi trường*” đã có thể hiện trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do đó đề nghị lược bỏ.  - Tại khoản a quy định: “đ) Các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước;”: Kiến nghị rà soát lý do điều chỉnh bỏ căn cứ “…*quy định khác của pháp luật liên quan*” nhưng vẫn giữ “…*tài nguyên nước*” và xác định nội dung cụ thể của pháp luật tài nguyên nước là căn cứ để cấp giấy phép môi trường.  Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường; Do vậy, kiến nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể: “*Cơ quan cấp giấy phép môi trường không có trách nhiệm thẩm định sự phù hợp các nội dung khác của dự án đầu tư, cơ sở căn cứ quy định của pháp luật liên quan; chủ dự án đầu tư, cơ sở chịu trách nhiệm tuân thủ theo quy định*” để đảm bảo chặt chẽ về pháp lý, đảm bảo hành lang pháp lý cho cơ quan giải quyết thủ tục môi trường, không vướng mắc, lúng túng về pháp lý khác theo pháp luật liên quan của dự án/cơ sở và thuận lợi cho tổ chức/cá nhân khi thực hiện thủ tục môi trường.  - Tại khoản 11 này, đề nghị bổ sung sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 42, cụ thể lược bỏ các nội dung tại phần gạch chân “*e) Tại thời điểm cấp giấy phép môi trường, trường hợp Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì việc cấp giấy phép môi trường được thực hiện căn cứ vào các điểm a, b, d và đ khoản này.*” cho phù hợp với nội dung sửa đổi tại điểm c khoản 1 Điều 42.  - Đối với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42, đề nghị có thể xem xét quy định cụ thể đối với nội dung “*Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn”*, theo đó thì đối với trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải có nhiều loại phải giấy phép môi trường thành phần mà chỉ thực hiện một hoặc không đầy đủ các loại giấy phép môi trường thành phần thì giấy phép thành phần đó có được coi là giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hay không.  - Tại điểm b khoản 11 quy định: “*b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5, 6 Điều 42 như sau: "5. Trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thay đổi chủ dự án đầu tư, cơ sở hoặc các thay đổi khác không thuộc trường hợp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường thì chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và tích hợp trong báo cáo công tác môi trường định kỳ của dự án đầu tư, cơ sở*."  Theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường, trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở thì chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.  Theo điểm b khoản 11 Điều 1 dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường), trường hợp thay đổi tên dự án, thay đổi chủ dự án thì chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và tích hợp trong báo cáo công tác môi trường định kỳ của dự án đầu tư, cơ sở.  Thống nhất chủ trương cắt giảm thủ tục hành chính; tuy nhiên, việc thay đổi tên dự án, thay đổi chủ dự án có thể căn cứ từ nhiều pháp lý khác nhau (do điều chỉnh dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án…), không đơn thuần là “đổi tên”; do vậy, đề nghị nghiên cứu thêm, đánh giá tác động về sự thuận tiện trong các giao dịch của chủ dự án, cơ sở trong điều kiện không cấp đổi, cập nhật tên dự án, tên chủ dự án trong giấy phép môi trường (trong khi thủ tục cấp đổi, thời gian giải quyết thủ tục cấp đổi ngắn và khá đơn giản). Tránh trường hợp cắt giảm thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho người dân nhưng khi giao dịch người dân phải trình bày, giải trình, yêu cầu xác nhận…Mặt khác, việc tích hợp nội dung thay đổi vào báo cáo công tác môi trường định kỳ chỉ giải quyết về mặt quản lý của cơ quan cấp giấy phép. | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | l) Tại khoản 12 (Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 43) quy định: *“b) Không quá 15 ngày đối với giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,* ***Ủy ban nhân dân cấp huyện;****”*: Do hiện nay không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị bỏ cụm từ này. | Bộ NN&MTđã chỉnh sửa theo hướng giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về hoạt động thẩm định cấp giấy phép môi trường, không quy định trong dự thảo Luật. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | m) Tại khoản 14 (Sửa đổi điểm a khoản 1, bổ sung khoản 6a trước khoản 6 Điều 51):  - Tại điểm a khoản 14 quy định: *“a) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 51 như sau:* *a) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.* ***Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gần nhau có thể kết hợp sử dụng chung hệ thống xử lý nước thải tập trung****;”*: đối với quy định dùng chung hệ thống xử lý nước thải, cần hướng dẫn thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án, quy định trách nhiệm của chủ dự án và trách nhiệm liên đới của đơn vị chủ sở hữu và đơn vị sử dụng chung.  Ngoài ra, kiến nghị nghiên cứu, sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với nội dung như sau: “a*) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gần nhau có thể kết hợp sử dụng chung hệ thống xử lý nước thải tập trung*.” (thực tế hiện nay cũng đã phát sinh trường hợp này).  - Tại điểm b khoản 14, đối với nội dung bổ sung khoản 6a trước khoản 6 Điều 51 “*Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và các dự án, cơ sở thứ cấp đang hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đó đã có hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định được miễn áp dụng quy định phải có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại khoản 1 Điều này theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong trường hợp này, dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng thu hút vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải xả ra môi trường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định*.” thì có được hiểu đối với các cơ sở thứ cấp đang hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã có công trình xử lý nước thải và được miễn trừ đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì sẽ được miễn áp dụng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 51 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 “*Yêu cầu*” hay không?. Đề nghị quy định thể hiện rõ nội dung không yêu cầu cơ sở đang xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải chấm dứt việc xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.  - Đối với các cơ sở thứ cấp đang hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã có công trình xử lý nước thải và được miễn trừ đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành khi mở rộng, tăng quy mô công suất thì đề nghị có quy định rõ việc nước thải phát sinh thêm (*không bao gồm phần nước thải đã được miễn trừ đấu nối*) của dự án mở rộng, nâng công suất phải đáp ứng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  - Nội dung này chỉ quy định đến việc sử dụng chung hệ thống xử lý nước thải. Việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.  - Trách nhiệm của đơn vị sử hữu hệ thống xử lý nước thải được thực hiện theo quy định của pháp luật.  - Việc sử dụng chung hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở sản xuất đã được quy định tại khoản 2 Điều 49 và khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).  - Không được miễn trừ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 51 Luật BVMT. Quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 51 là yêu cầu bắt buộc và đã phải hoàn thành kể trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật BVMT có hiệu lực.  Nội dung này đã được quy định tại Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | n) Tại khoản 15 (Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 51) quy định: “1*. Cụm công nghiệp phải có hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này, trừ trường hợp đặc thù có quy mô nhỏ do Chính phủ quy định”*  Qua rà soát, quy mô cụm công nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý và phát triển cụm công nghiệp, không có quy định để xác định cụm công nghiệp có qui mô nhỏ; ngoài ra, trường hợp cụm công nghiệp được xác định “có qui mô nhỏ” thì thực hiện hạ tầng bảo vệ môi trường như thế nào.  Ngoài ra, hiện nay tại Thành phồ Hồ Chí Minh vẫn còn một số cụm công nghiệp hiện hữu, không có chủ đầu tư, do đó cần quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cụm công nghiêp có chủ đầu tư và cụm công nghiệp không có chủ đầu tư. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Việc sửa đổi, bổ sung Điều này được thực hiện theo đề xuất, kiến nghị của các địa phương. Do vậy, trong quá trình dự thảo Nghị định hướng dẫn, đơn vị chủ trì sẽ lấy ý kiến các địa phương để thống nhất tiêu chí “quy mô nhỏ” theo hướng “quy mô về diện tích” hoặc “quy mô về lưu lượng xả nước thải”.  Kiến nghị của địa phương thực hiện theo quy định về phát triển và quản lý cụm công nghiệp quy định tại Nghị định số 32/2023/NĐ-CP. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | o) Tại Khoản 16 (Sửa đổi, bổ sung Điều 54): Đối với nội dung tại khoản 4 Điều 54, dự thảo thiếu nội dung điểm b), đề nghị bổ sung. | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | p) Tại Khoản 17 (Sửa đổi, bổ sung Điều 55): Đối với nội dung tại khoản 3 Điều 55, kinh phí phân bổ cho địa phương để thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và bao bì thuốc bảo vệ thực vật và nâng cấp, cải tạo trạm trung chuyển, khu tập kết chất thải. Tuy nhiên, kinh phí để thực hiện các nội dung này là rất lớn nên chỉ quy định là *“kinh phí phân bổ cho địa phương để* ***hỗ trợ*** *thực hiện”*, đồng thời cần quy định rõ tỷ lệ phân bổ trên tổng số tiền mà tổ chức, cá nhân đóng góp, hình thức phân bổ. | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026. | |
|  |  | q) Tại khoản 29 (Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 90, bổ sung điểm e vào khoản 3 Điều 90):  - Đề nghị chỉnh sửa nội dung “*Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 90, bổ sung điểm e vào Điều 90*” thành “*Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 90, bổ sung điểm e vào khoản 3 Điều 90*”.  - Tại điểm a khoản 29: Sửa đổi bổ sung điểm b khoản 3 Điều 90. Tuy nhiên, qua rà soát, chưa có nội dung **sửa đổi, bổ sung** điều chỉnh so với Luật Bảo vệ môi trường đã ban hành.  - Điểm a, b khoản 29: Nội dung “ban hành tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu” hiện đang được quy định trùng lặp tại điểm b và điểm e khoản 3 Điều 90 Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể, “b) ***Trình Thủ tướng Chính phủ*** ban hành … ***tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu***;”, trong khi đó điểm b khoản 29 đã bổ sung điểm e vào khoản 3 Điều 90 như sau: *“e) Ban hành tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu.”* là nhiệm vụ của **Bộ Nông nghiệp và Môi trường.**Do đó,kiến nghị đơn vị soạn thảo xem xét chỉnh lý. | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | r) Điểm a khoản 39quy định: *“…bãi bỏ khoản 2, 3, Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường”.*  - Căn cứ Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020  + Tại điểm c khoản 2; quy định: *“Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, cơ quan cấp giấy phép môi trường phải lấy ý kiến bằng văn bản và đạt được sự đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi cấp giấy phép môi trường”);*  + Tại khoản 3; quy định: *“Đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, trong thành phần hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, đoàn kiểm tra phải có đại diện cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó”.*  - Căn cứ Điều 44 Luật Thủy lợi năm 2017; quy định:  *“****Điều 44. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có giấy phép***  *1.Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, các hoạt động sau đây phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:*  *a) Xây dựng công trình mới;*  *b) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện;*  *~~c) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất;[[11]](#footnote-11)~~*  *~~d) Xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ~~;[[12]](#footnote-12)*  *đ) Trồng cây lâu năm;*  *e) Hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ;*  *g) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ;*  *h) Nuôi trồng thủy sản;*  *i) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác;*  *k) Xây dựng công trình ngầm.*  *2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.*  *3. Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép quy định tại Điều này.”*.  Theo đó, đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường phát sinh hạng mục đấu nối *(xây dựng công trình mới)* theo quy định tại khoản a nêu trên thì phải cấp giấy phép. Để đảm bảo thực hiện được đồng bộ đề nghị không bãi bỏđiểm ckhoản 2, Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, điều chỉnh như sau:  Từ *“c) Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, cơ quan cấp giấy phép môi trường phải lấy ý kiến bằng văn bản và đạt được sự đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi cấp giấy phép môi trường”)* thành *“c) Trường hợp cấp giấy phép xả thải vào công trình thủy lợi có phát sinh hạng mục đấu nối (xây dựng công trình mới) thì nội dung giấy phép phải bao gồm các nội dung của hạng mục đấu nối”.* | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | s) Lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)  - **Góp ý chung liên quan đến các quy định về quản lý CTRSH**  Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt *(sau đây viết tắt là CTRSH)* khác biệt với công tác quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp, chất thải y tế vì **phạm vi** **tác động** không chỉ đến chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp, cơ sở y tế mà **đến tất cả các đối tượng trong xã hội** bao gồm cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải. Công tác quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH là công tác quản lý dịch vụ công. Do đó, việc quy định quản lý CTRSH từ công tác lưu giữ, chuyển giao, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, hợp đồng, giá dịch vụ, kiểm tra, giám sát liên quan đến an ninh đô thị, an  ninh, an toàn chất thải của toàn xã hội. Vì vậy Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn Luật liên quan đến công tác ký hợp đồng chuyển giao, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải chỉ thực hiện với các đơn vị cung ứng dịch vụ trong cùng 01 địa bàn tỉnh/thành và theo sự điều phối khối lượng về các nhà máy xử lý CTRSH của chính quyền địa phương. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Khoản 1 Điều 77 và Khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường quy định Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị các địa phương nghiêm túc thực hiện để đảm bảo minh bạch, khách quan trong quá trình lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | **- Tại khoản 24** (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020) quy định: “*24. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 75 như sau:*  *2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết địnhchính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân*.”.  Kiến nghị xem xét bổ sung, sửa đổi thành: *“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể CTRSH quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và phù hợp với hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, công nghệ xử lý chất thải của địa phương; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.”*  Lý do đề xuất: Việc phân loại CTRSH thành 3 loại bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải thực phẩm, CTRSH khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tuy nhiên cần phù hợp với hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, công nghệ xử lý chất thải của địa phương để đảm bảo hiệu quả triển khai. Cụ thể như có địa phương chưa có nhà máy xử lý chất thải thực phẩm, có địa phương chỉ có bãi chôn lấp thì việc thực hiện ngay việc phân loại CTRSH thành 03 loại như đã nêu là chưa khả thi. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị giao thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định việc phân loại cụ thể CTRSH tại khoản 1 Điều 75 theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và phù hợp với hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, công nghệ xử lý chất thải của địa phương. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Bộ NN&MT đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo chất thải rắn sinh hoạt được phân loại theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | - **Tại khoản 25** (sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020) quy định*: “5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH; hướng dẫn việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.”***,** kiến nghị bổ sung, sửa đổi khoản 5 Điều 79 thành như sau: *“5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH; hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng phục vụ cho công tác xây dựng và thẩm định đơn giá lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH; hướng dẫn việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.*  Lý do đề xuất: Đối với giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH, trước đây, căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành tỷ lệ chi phí quản lý chung và và tỷ lệ lợi nhuận định mức để áp dụng xây dựng giá dịch vụ. Tuy nhiên, ngày 29 tháng 8 năm 2024, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 07/2024/TT-BXD về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành *(có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2024)*, theo đó tại Điều 2 của Thông tư đã bãi bỏ nội dung quy định về phương pháp xác định, quản lý chi phí thu gom, vận chuyển CTRSH và bảng tỷ lệ định mức chi phí quản lý chung đối với chi phí thu gom, vận chuyển CTRSH theo Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.  Như vậy, kể từ sau ngày 15 tháng 10 năm 2024, Thành phố không có cơ sở xác định chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức cho giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng.  Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC hướng dẫn phương pháp xác định giá, Bộ Tài chính chỉ quy định chi phí chung và lợi nhuận định mức theo nguyên tắc chi phí thực tế, không quy định cụ thể tỷ lệ chi phí chung, lãi định mức. Và hiện nay cũng không có Bộ ngành nào quy định định mức tỷ lệ chi phí chung, lợi nhuận định mức áp dụng công tác lập dự toán chi phí dịch vụ vệ sinh môi trường. Do đó, các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ không có cơ sở để thẩm định phương án giá và ban hành văn bản định giá dịch vụ vệ sinh môi trường do chưa có pháp lý về định mức tỷ lệ chi phí chung và lợi nhuận định mức.  Nhận thấy khó khăn, vướng mắc trong công tác xây dựng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH, Thành phố đã có Công văn số 13553/STNMT-CTR ngày 17 tháng 12 năm 2024 gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Công văn số 1353/STNMT-CTR ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Công văn số 2344/STNMT-CTR ngày 11 tháng 4 năm 2025 gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị hướng dẫn về tỷ lệ chi phí chung, lợi nhuận định mức.  Theo đó, Bộ Tài chính đã có Công văn số 179/BTC-QLG ngày 06 tháng 01 năm 2025 ý kiến như sau:  *“… Thông tư số 45/2024/TT-BTC hướng dẫn cách thức để xác định giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; không quy định, hướng dẫn các nội dung về định mức chi phí, định mức lợi nhuận.*  *Tại điều 5 Thông tư số 45/2024/TT-BTC quy định một số nguyên tắc chung trong phương pháp chi phí, trong đó tại khoản 3 quy định “Trong các khoản chi phí tính giá, khoản nào có trong định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có chế độ chính sách của Nhà nước, có giá do Nhà nước quy định, có quy định pháp luật (về thuế, về kế toán, về thống kê và các pháp luật có liên quan), có quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo quy định của pháp luật thì tính theo các quy định đó. Đơn vị có trách nhiệm thường xuyên rà soát quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quy chế chi tiêu nội bộ của mình.* ***Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thường xuyên rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do mình ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật****”.*  *Tại Điều 11 Thông tư số 45/2024/TT-BTC quy định về cách xác định lợi nhuận trong phương pháp chi phí, trong đó tại khoản 3 quy định “****Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định mức lợi nhuận hoặc tỷ suất lợi nhuận thì tính lợi nhuận theo quy định đó****.”*  *Căn cứ các quy định trên,* ***cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định định mức chi phí, định mức lợi nhuận thì tính chi phí, lợi nhuận trong giá để làm cơ sở áp dụng****.”*  Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến tại Công văn số 1350/BTNMT-KSONMT ngày 27 tháng 2 năm 2025 về nội dung này như sau: *“Các nội dung khác liên quan đến vướng mắc trong triển khai Luật Giá năm 2023, đề nghị quý Sở nghiên cứu Công văn số 179/BTC-QLG ngày 06 tháng 01 năm 2025 về giá sản phẩm, dịch vụ lĩnh vực quản lý CTRSH để thực hiện”.*  Như vậy, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ khi lập phương án giá, trong các khoản chi phí tính giá, khoản nào có trong định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có chế độ chính sách của Nhà nước, có giá do Nhà nước quy định, có quy định pháp luật (về thuế, về kế toán, về thống kê và các pháp luật có liên quan), có quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo quy định của pháp luật thì tính theo các quy định đó. Đơn vị có trách nhiệm thường xuyên rà soát quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quy chế chi tiêu nội bộ của mình. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định định mức chi phí, định mức lợi nhuận thì tính chi phí, lợi nhuận trong giá để làm cơ sở áp dụng.  **Tuy nhiên** **hiện nay Luật chưa có quy định phân công cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn về xác định định mức chi phí quản lý chung, định mức lợi nhuận đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng.**  Việc không có quy định định mức tỷ lệ chi phí chung, lợi nhuận định mức đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng sẽ gây khó khăn trong công tác thẩm định và phê duyệt phương án giá do đơn vị hoạt động trên địa bàn lập vì việc thẩm định phương án giá/đơn giá dự toán của cơ quan nhà nước cần đảm bảo cơ sở về sự phù hợp và thống nhất chung.  Do đó, kiến nghị bổ sung nội dung quy định giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường *“hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng phục vụ cho công tác xây dựng và thẩm định đơn giá lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng”* tại khoản 5 Điều 79 Luật Bảo vệ Môi trường. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật sửa đổi để đảm bảo phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh môi trường được thực hiện thống nhất theo quy định pháp luật về giá.  Bộ Tài chính đã có hướng dẫn phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024, theo đó đã có hướng dẫn xác định chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh môi trường. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | - **Tại khoản 25** (sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020) quy định: *“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn;* *quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.”***,** kiến nghị bổ sung, sửa đổi khoản 6 Điều 79 thành như sau:  *“6. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 73 Luật Giá số 16/2023/QH15 về sửa đổi bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường số 11/2022/QH15 như sau:*  *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý CTRSH của các cá nhân, hộ gia đình và chủ nguồn thải trên địa bàn tỉnh; quy định cụ thể hình thức và mức giá dịch vụ các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải trên địa bàn tỉnh phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định của pháp luật về giá; quy định định mức kinh tế, kỹ thuật, xác định các chi phí dịch vụ công ích đô thị lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh.”*  Lý do đề xuất:  Khoản 7 Điều 73 Luật Giá số 16/2023/QH15 đã sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường số 11/2022/QH15 *(có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024)*. Do đó, cần phải điều chỉnh để thống nhất giữa 02 Luật. Đồng thời, Sở Nông nghiệp kiến nghị chỉnh sửa nội dung *“quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH”* thành “*định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định của pháp luật về giá”* vì: để phù hợp, thống nhất với quy định tại Luật giá 2023 về giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá tối đa và giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.  Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị bổ sung, chỉnh sửa cụm từ *“của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn”* thành *“của các cá nhân, hộ gia đình và chủ nguồn thải trên địa bàn tỉnh”* vì để đảm bảo đầy đủ tất cả các đối tượng phát sinh CTRSH trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ quy định quản lý CTRSH và chi trả giá dịch vụ theo quy định của chính quyền địa phương và các cá nhân có thể được hiểu là chủ thể trong cả 02 đối tượng: cá nhân trong hộ gia đình và cá nhân trong chủ nguồn thải. Ngoài ra, việc điều chỉnh chủ thể như vậy nhằm tránh quan điểm chủ thể cá nhân làm việc, sinh hoạt tại chủ nguồn thải đã chi trả giá dịch vụ rồi từ chối chi trả giá dịch vụ tại hộ gia đình.  Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị chỉnh sửa thành*“quy định cụ thể hình thức* *và mức giá dịch vụ các hộ gia đình, chủ nguồn thải trên địa bàn tỉnh phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải”* ***(bỏ cụm từ “đã được phân loại”)***vì: việc ban hành quy định cụ thể mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại được hiểu là phải quy định giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH cho từng loại chất thải đã được phân loại *(chất thải thực phẩm, chất thải tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại, chất thải còn lại)* theo khối lượng phát sinh để xác định cụ thể mức kinh phí mà hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho từng trường hợp phân loại đúng, không đúng từng loại chất thải theo khối lượng. Việc xác định tỷ lệ khối lượng cho từng loại chất thải sau phân loại để làm cơ sở định giá là khó khăn vì khối lượng này phụ thuộc vào cơ chế thị trường và biến động. Hiện nay cũng chưa có quy định về hệ số phát thải đối với khối lượng của từng loại CTRSH sau phân loại. Ngoài ra, phương thức thu gom chất thải khi triển khai phân loại như thu gom cách ngày hay thu gom đồng thời theo từng loại phương tiện cũng tác động đến đơn giá thu gom, vận chuyển (định mức khác nhau). Vì vậy, việc quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành quy định mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại như nêu trên sẽ rất khó khăn, phức tạp cho việc ban hành và triển khai quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị bỏ cụm từ “đã được phân loại” để đảm bảo thuận lợi cho việc triển khai của địa phương. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ chủ động trong việc ban hành mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đảm bảo quy định pháp luật về giá theo quy định tại Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Khi triển khai thực hiện cần căn cứ vào tình hình thực tế và biến động nhu cầu kinh tế thị trường mà khối lượng chất thải có khả năng tái chế sẽ được phân loại và thỏa thuận giá cho phù hợp.  Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị bổ sung, chỉnh sửa *“quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh”* thành “*quy định định mức kinh tế, kỹ thuật, xác định các chi phí dịch vụ công ích đô thị lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh”.* Lý do: (1) Bổ sung công tác *“xác định các chi phí dịch vụ công ích đô thị”* vì để có cơ sở cho việc áp dụng thống nhất các quy định về định mức tỷ lệ chi phí chung và lợi nhuận định mức phục vụ cho công tác xây dựng và thẩm định đơn giá lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh. (2) Bổ sung lĩnh vực *“vệ sinh công cộng”* vì việc ban hành định mức định mức kinh tế, kỹ thuật, xác định các chi phí dịch vụ công ích đô thị cho dịch vụ vệ sinh công cộng như quét, thu gom chất thải rắn đường phố, thu gom, vệ sinh thùng rác công cộng, vớt, thu gom CTRSH trên sông, kênh, rạch, bờ biển.... là cần thiết để phục vụ cho công tác xây dựng đơn giá của các dịch vụ này trong khi đó hiện nay, Luật chưa có quy định phân công cơ quan ban hành quy định định mức kinh tế, kỹ thuật, xác định các chi phí dịch vụ công ích đô thị đối với dịch vụ vệ sinh công cộng. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật sửa đổi để đảm bảo thống nhất với quy định tại khoản 7 Điều 73 Luật Giá và số thứ tự 37 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật Giá. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | - **Tại khoản 38** (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 liên quan đến trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 12 Điều 23 Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)  Kiến nghị bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã “*cung ứng dịch vụ rác thải, vệ sinh môi trường*”, “*chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc để xảy ra các vấn đề rác thải, vệ sinh môi trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý*”.  Lý do đề xuất: Căn cứ quy định tại khoản 12 Điều 23 Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Bộ NN&MT đề nghị không bổ sung do Luật sửa đổi chỉ tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, các điểm nghẽn trong quá trình triển khai Luật Bảo vệ môi trường.  Ý kiến này sẽ được Bộ NN&MT nghiên cứu, xem xét trong quá trình sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | - **Tại điểm a khoản 39:** Kiến nghị không bãi bỏ điểm c, đ, e, g khoản 3 Điều 84 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*quy định trách nhiệm của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu về “c) Công nghệ xử lý chất thải nguy hại phải được thẩm định, có ý kiến theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; khuyến khích áp dụng công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất, công nghệ xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng”; “đ) Có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp”; “e) Có quy trình vận hành an toàn công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng phù hợp”; “g) Có kế hoạch quản lý môi trường gồm nội dung kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải; an toàn lao động, vệ sinh lao động; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, tập huấn định kỳ hằng năm; chương trình giám sát môi trường; đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại; phương án xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường sau khi kết thúc hoạt động”*  Lý do đề xuất: Trong thời gian qua, nội dung quy định nêu trên của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã phát huy hiệu quả về tính an toàn đối với lĩnh vực xử lý chất thải nguy hại, giảm thiểu rủi ro, yếu tố tiềm ẩn phát sinh sự cố môi trường liên quan đến con người, công nghệ, vận hành các cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Do đó, việc tiếp tục quy định các nội dung này là cần thiết.  t) Đề nghị rà soát sửa lại trong toàn bộ nội dung dự thảo “*Bộ Tài nguyên và Môi trường*” thành “*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” và cập nhật lại trong nội dung điểm d khoản 40 Điều 1. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Nội dung bãi bỏ được thực hiện nhằm cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | **1.** Kiến nghị xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:  a) Kiến nghị xem xét bổ sung vào Điều 1 dự thảo Luật nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 159 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 như sau: “*Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, quỹ bảo vệ môi trường cấp tỉnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*.”. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Bộ NN&MT đề nghị không bổ sung do Luật sửa đổi chỉ tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, các điểm nghẽn trong quá trình triển khai Luật Bảo vệ môi trường.  Ý kiến này sẽ được Bộ NN&MT nghiên cứu, xem xét trong quá trình sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Điều chỉnh khoản 4 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường như sau: “4. Gây tiếng ồn, độ rung; xả thải khói, bụi, khí có các thông số vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường vào không khí”, vì nếu quy định “**khí có mùi độc hại**” sẽ không *định tính và định lượng* được “**mùi độc hại**” được hiểu như thế nào. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Bộ NN&MT đề nghị không bổ sung do Luật sửa đổi chỉ tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, các điểm nghẽn trong quá trình triển khai Luật Bảo vệ môi trường.  Ý kiến này sẽ được Bộ NN&MT nghiên cứu, xem xét trong quá trình sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | c) Điểm d khoản 1 Điều 53: đề nghị xem xét bỏ nhóm từ “mùi khó chiụ”, điều chỉnh nhóm từ “phát tán **khí độc hại** ra môi trường” thành “phát tán **khí có các thông số vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường** ra môi trường”. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Bộ NN&MT đề nghị không bổ sung do Luật sửa đổi chỉ tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, các điểm nghẽn trong quá trình triển khai Luật Bảo vệ môi trường.  Ý kiến này sẽ được Bộ NN&MT nghiên cứu, xem xét trong quá trình sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | d) Khoản 2 Điều 60: đề nghị xem xét điều chỉnh nhóm từ “phát tán mùi khó chịu” thành “phát tán **khí có các thông số vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường**”. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Bộ NN&MT đề nghị không bổ sung do Luật sửa đổi chỉ tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, các điểm nghẽn trong quá trình triển khai Luật Bảo vệ môi trường.  Ý kiến này sẽ được Bộ NN&MT nghiên cứu, xem xét trong quá trình sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | đ) Dự thảo sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường không có sửa đổi Điều 160, tuy nhiên hiện nay chỉ còn chính quyền 02 cấp do đó đề nghị sửa đổi:  - Bỏ chức danh Ủy ban nhân dân cấp huyện.  - Bổ sung quy định về kiểm tra thường xuyên do hiện nay khoản 3 Điều 160 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thiếu quy định trách nhiệm kiểm tra thường xuyên. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  - Về bỏ chức danh Ủy ban nhân dân cấp huyện đã được quy định tại điểm a khoản 39 Điều 1 của Dự thảo Luật (bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 160).  - Về bổ sung quy định về kiểm tra thường xuyên: Bộ NN&MT xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | e) Kiến nghị bổ sung giải thích từ ngữ “cá nhân” trong quy định của Luật  Lý do đề xuất: Đối tượng ***“cá nhân”***được quy định trong Luật bảo vệ môi trường khá rộng và dễ trùng lắp với các nhóm đối tượng khác như cá nhân trong hộ gia đình hay cá nhân trong cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp. Điều này dẫn đến khó khăn cho việc hiểu rõ đối tượng áp dụng triển khai quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn tại khoản 1 điều 75. Cụ thể:  “*Điều 75.* *Phân loại, lưu giữ, chuyển giao CTRSH:*  *1. CTRSH phát sinh từ hộ gia đình,* ***cá nhân*** *được phân loại theo nguyên tắc như sau:*  *a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;*  *b) Chất thải thực phẩm;*  *c) CTRSH khác*.”  Như vậy, theo quy định trên, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phải thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 75 hay không vì trong nhóm đối tượng này cũng có cá nhân hoạt động và phát sinh chất thải. Do đó, kiến nghị Luật Bảo vệ Môi trường làm rõ cụm từ “cá nhân” trong phần giải thích từ ngữ để làm rõ đối tượng áp dụng triển khai các nội dung phân loại CTRSH tại nguồn và chi trả giá dịch vụ.  Hoặc để thuận lợi cho quá trình triển khai, Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị bổ sung đối tượng “chủ nguồn thải” tại khoản 1 điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Cụ thể như sau:  “*Điều 75.* *Phân loại, lưu giữ, chuyển giao CTRSH:*  *1. CTRSH phát sinh từ cá nhân, hộ gia đình,* ***chủ nguồn thải*** *được phân loại theo nguyên tắc như sau:*  *a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;*  *b) Chất thải thực phẩm;*  *c) CTRSH khác*.” | Bộ NN&MT xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | g) Kiến nghị bổ sung sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020  - Khoản 3, khoản 4 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định:  *“3. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng nhỏ theo quy định của Chính phủ được lựa chọn hình thức quản lý CTRSH như hộ gia đình, cá nhân quy định tại**Điều 75 của Luật này**hoặc quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều này.*  *4.* *Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ phải chuyển giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải có chức năng phù hợp hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển có phương tiện, thiết bị phù hợp để vận chuyển đến cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn có chức năng phù hợp.”*  - Kiến nghị sửa đổi thành như sau:  *“3. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh CTRSH có khối lượng nhỏ theo quy định của Chính phủ được lựa chọn hình thức quản lý CTRSH như hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 75 của Luật này hoặc quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều này.*  *4. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh CTRSH có khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ phải chuyển giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải có chức năng phù hợp trên địa bàn tỉnh hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển có phương tiện, thiết bị phù hợp trên địa bàn tỉnh để vận chuyển đến cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn có chức năng phù hợp trên địa bàn tỉnh theo quy định của chính quyền địa phương.”*  Lý do đề xuất:  - Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị sửa đổi cụm từ *“có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng”* thành *“có phát sinh CTRSH”* vì lý do như sau:  Theo quy định trên, việc phân định cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp để áp dụng hình thức quản lý CTRSH như nêu tại khoản 3, khoản 4 Điều 79 sẽ dựa vào khối lượng phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng của đối tượng là lớn hoặc nhỏtheo quy định của Chính phủ.  Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT về nguyên tắc định giá dịch vụ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát sinh CTRSH được quy định như sau:  *“a) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân và các đối tượng quy định tại* *khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được tính theo nguyên tắc có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương;*  *b) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phát sinh từ cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại* *khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được tính trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý.”*  Theo các quy định trên, việc phân định nhóm đối tượng cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp sẽ tác động đến mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của các đối tượng.  Theo đó, các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải phân loại riêng chất thải theo nguồn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng và từ sản suất kinh doanh để tính giá dịch vụ theo các mức khác nhau tùy vào khối lượng của mỗi nguồn phát sinh. Việc này không khả thi và rất khó khăn cho công tác kiểm tra giám sát của chính quyền địa phương. Ví dụ như 01 khách sạn có kinh doanh nhà hàng sẽ có phát sinh CTRSH từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng và từ hoạt động kinh doanh nhà hàng. Khách sạn này có CTRSH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng nhỏ theo quy định của Chính phủ được chọn đóng giá dịch vụ như hộ gia đình (được bù đắp từ ngân sách) hoặc như chủ nguồn thải lớn (chi trả đúng, đủ). Tuy nhiên khối lượng CTRSH phát sinh từ nhà hàng của khách sạn thì có khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ phải chi trả giá dịch vụ tính đúng, đủ. Việc chia tách khối lượng để nộp giá dịch vụ cho đối tượng này là không khả thi.  Ngoài ra, việc quy định phân định đối tượng dựa vào khối lượng phát sinh chất thải (bao gồm CTRSH, chất thải nguy hại) theo nguồn phát sinh (từ hoạt động sinh hoạt văn phòng) như nêu trên rất khó khăn cho các đối tượng phát sinh chất thải khi phải phân loại cùng 01 loại chất thải theo 02 nguồn phát sinh (từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng và từ sản suất, kinh doanh) và cũng rất khó khăn cho công tác kiểm tra giám sát tại địa phương vì có một số loại hình kinh doanh, dịch vụ phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng rất ít. Cụ thể như các cơ sở sản suất, kinh doanh, dịch vụ như quán cà phê, tiệm bán thuốc, tiệm bán thức ăn uống, vừa có phát sinh chất thải sinh hoạt và nguy hại từ sinh hoạt của nhân viên (có thể rất ít) vừa có phát sinh chất thải sinh hoạt và nguy hại từ hoạt động kinh doanh sẽ rất khó để phân loại riêng nguồn phát sinh.  Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh quy định việc phân định cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp để áp dụng hình thức quản lý CTRSH và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH dựa trên tổng khối lượng CTRSH phát sinh (không phân biệt nguồn phát sinh từ sinh hoạt, văn phòng hay từ sản suất, kinh doanh, dịch vụ).  - Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị bổ sung cụm từ *“trên địa bàn tỉnh”* và *“theo quy định của chính quyền địa phương”* vào cụm từ “*có chức năng phù hợp”* đối với việc chuyển giao chất thải của cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh CTRSH có khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ vì lý do để đảm bảo an toàn, an ninh chất thải của chính quyền địa phương.  Cụ thể như sau:  Khoản 1 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường quy định: *“Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.”*  Khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường quy định: *“Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý CTRSH thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.”*  Tuy nhiên theo điểm c, điểm d, điểm e khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thể chuyển giao CTRSH cho *“c) Cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này nhưng có hợp đồng chuyển giao với cơ sở tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm d khoản này; d) Cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải không thuộc đối tượng quy định tại* *khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường;* *e) Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản hoặc sản xuất phân bón phù hợp đối với chất thải thực phẩm.”*. Đây là 03 nhóm đơn vị cung ứng dịch vụ có thể ở ngoại tỉnh.  Theo quy định tại khoản 1 Điều 77 và khoản 2 Điều 78 của Luật Bảo vệ môi trường nêu trên thì công tác thu gom vận chuyển và xử lý CTRSH là do Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thông qua đấu thầu hoặc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ. Các cơ sở xử lý CTRSH được đầu tư và vận hành xử lý tập trung tại các khu vực được quy hoạch theo phê duyệt của Thủ tướng. Ủy ban nhân dân các cấp khi ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH với đơn vị cung ứng dịch vụ phải đảm bảo một số nguyên tắc khi kêu gọi đầu tư như khối lượng rác tối thiểu, thời gian giao rác,…  Do đó nếu cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ được tự do ký hợp đồng chuyển giao CTRSH ra ngoại tỉnh như quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì sẽ khó khăn cho công tác quản lý CTRSH, dự toán, thanh toán ngân sách hằng năm và khả năng kêu gọi đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vì không có cam kết về khối lượng để đơn vị thu gom vận chuyển và xử lý đầu tư vận hành ổn định. Công tác quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH là cung ứng dịch vụ công được lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. Các gói thầu cần quản lý và ổn định về khối lượng phát sinh CTRSH vì liên quan đến phương tiện, hạ tầng kỹ thuật công tác thu gom, vận chuyển, trung chuyển, xử lý CTRSH. | Bộ NN&MT xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | h) Kiến nghị bổ sung trách nhiệm của cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải về chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH tại Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020  - Kiến nghị bổ sung quy định như sau: *“Cá nhân, hộ gia đình và chủ nguồn thải có trách nhiệm chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định của chính quyền địa phương”.*  Lý do đề xuất: cần quy định rõ trách nhiệm của các nhân, hộ gia đình và chủ nguồn thải về chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định của chính quyền địa phương.  - Kiến nghị bổ sung quy định như sau: *“Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định cụ thể hình thức xử phạt đối với hành vi không ký hợp đồng, không chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định”*.  Lý do đề xuất: Hiện nay theo quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường **không có quy định hình thức xử phạt đối với hành vi không ký hợp đồng chuyển giao CTRSH và chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.** Do đó gây khó khăn cho các địa phương trong triển khai tổ chức thu giá dịch vụ đối với các trường hợp cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải không đồng ý thanh toán mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của Thành phố, điều này dẫn đến công tác triển khai thu giá dịch vụ trên địa bàn Thành phố sẽ không đạt kết quả đề ra.  Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chế tài, xử lý đối với các trường hợp không ký hợp đồng chuyển giao CTRSH và chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của chính quyền địa phương. | Bộ NN&MT xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | k) Kiến nghị xem xét bổ sung quy định chất thải thực phẩm phát sinh trực tiếp từ nhà ăn của các chủ nguồn thải (cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi như quy định cho đối tượng hộ gia đình, cá nhân tại điểm b khoản 3 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*Chất thải thực phẩm và CTRSH khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi*) và điểm a khoản 4 Điều 75 *(Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi*).  Lý do đề xuất:  Tính chất, thành phần chất thải thực phẩm phát sinh từ nhà ăn của của các chủ nguồn thải (cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) tương tự như chất thải thực phẩm từ hộ gia đình. | Bộ NN&MT xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu, xem xét trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2026. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | l) Kiến nghị xem xét bổ sung quy định trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý tài sản, công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ vệ sinh môi trường như điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH, nhà vệ sinh công cộng, thùng rác công cộng, cơ sở tái chế, xử lý CTRSH được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.  Lý do đề xuất:Hiện nay, chưa có quy định cụ thể đối với quản lý tài sản, công trình hạ tầng kỹ thuật nêu trên. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Nội dung đề xuất của địa phương thuộc lĩnh vực quản lý tài sản, do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quản lý tài sản. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | m) Kiến nghị giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn việc lựa chọn cơ sở sản xuất và phân phối bao bì đựng CTRSH thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.  Lý do đề xuất: Hiện nay, chưa có quy định hướng dẫn việc lựa chọn cơ sở sản xuất và phân phối bao bì đựng CTRSH thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Nội dung đề xuất của địa phương thuộc lĩnh vực về đầu thầu, do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về đấu thầu. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | n) Kiến nghị bổ sung quy định Bộ chuyên ngành (Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường) chủ trì xây dựng, ban hành quy chuẩn để áp dụng tại các địa phương đối với từng loại bùn thải được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.  Lý do đề xuất: Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có 05 loại bùn thải (theo nguồn phát sinh) phải quản lý, xử lý theo quy định: (1) Bùn từ bể phốt (bùn hầm cầu); (2) Bùn từ hệ thống thoát nước theo Điều 64; (3) Bùn đất khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản; (4) Bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi theo Điều 61; (5) Bùn từ hệ thống xử lý nước thải theo Điều 87.  Tuy nhiên, hiện nay ngoài bùn thải từ quá trình xử lý nước có quy chuẩn để so sánh, đánh giá (QCVN 50:2013/BTNMT) còn các loại bùn thải còn lại: (1) Bùn từ bể phốt (bùn hầm cầu) và (2) Bùn từ hệ thống thoát nước; (3) Bùn đất khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản và (4) Bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi hiện chưa có quy chuẩn để so sánh, đánh giá nguy cơ ô nhiễm hoặc xác định tiêu chuẩn đầu ra của các quá trình xử lý. Do vậy, đề có cơ sở, căn cứ để các địa phương cụ thể hóa thành quy định, triển khai các nội dung này đề nghị bổ sung quy định Bộ chuyên ngành (Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường) chủ trì xây dựng, ban hành quy chuẩn để áp dụng tại các địa phương. | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026.  Ngoài ra, đến nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành QCVN 07:2025/BNNMT về ngưỡng chất thải nguy hại, trong đó, đã thay thế QCVN 50:2013/BTNMT. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | o) Đối với quy định về thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thời hạn cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là *không quá 15 ngày*, tuy nhiên hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường (nếu thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường) đối với một số dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ (*bổ sung Điều 26a Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ*) và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (theo đó phân quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm định báo cáo thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường (nếu thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường) đối với một số dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh tăng thời gian thực hiện thủ tục hành chính hoặc Chính phủ có thể xem xét theo hướng sửa đổi/bổ sung Nghị định theo hướng giảm bớt đối tượng phải thực hiện hồ sơ môi trường để giảm bớt thủ tục hành chính cho Doanh nghiệp. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Việc cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), điều kiện đầu tư kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp, môi trường được thực hiện theo các Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ nhằm giảm tối đa thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục và các điều kiện đầu tư kinh doanh kèm. Do đó, để thực hiện giải quyết TTHC đảm bảo đúng thời gian sau khi cắt giảm, đề nghị các địa phương rà soát quy trình nội bộ thực hiện TTHC, điều chỉnh phù hợp thời gian, đối tượng, cách thức kiểm tra trên cơ sở quy định của pháp luật. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | p) Đề nghị xem xét bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép môi trường khi dự án, cơ sở có thay đổi về phân loại dự án đầu tư theo các tiêu chí về môi trường (*vì Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ không quy định rõ và đang có sự áp dụng không thống nhất (theo thẩm quyền của cơ quan đã cấp giấy phép môi trường và xét lại theo tiêu chí)*). | Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | r) Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường, hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong đó có: “*c) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư*”; theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường, điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), hồ sơ cấp giấy phép môi trường trong đó có “Bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi…” đối với dự án đầu tư, dự án đầu tư mở rộng của cơ sở đang hoạt động không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.  Kiến nghị nghiên cứu, có thể cắt giảm thành phần hồ sơ này, do sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, chủ đầu tư (hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ) mới trình hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ); tại thời điểm nộp hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, chủ đầu tư chỉ có thể nộp bản dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật. Về nguyên tắc, nội dung, thông tin của dự án giữa hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường phải đảm bảo trùng khớp, thống nhất dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật nhưng không cần thiết thẩm định hay rà soát nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật (Luật Bảo vệ môi trường hiện hành cũng không có quy định thẩm định). Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về nội dung trên, trường hợp có sai khác sau khi phê duyệt báo cáo nghien cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật dẫn đến điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  - Đây không phải quy định mới của Luật BVMT 2020 mà được kế thừa và có cập nhật, chỉnh lý phù hợp quy định của Luật BVMT 2014, Luật BVMT 2005 và Luật BVMT 1993.  - Theo quy định của Luật BVMT 2020, báo cáo ĐTM được lập cho dự án đầu tư; theo đó, quy mô, công suất, các hạng mục công trình và hoạt động của dự án được thể hiện theo hồ sơ dự án đầu tư (*là Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư)*. Quy định việc nộp báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương để cơ quan thẩm định có cơ sở rà soát tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất về thông tin của dự án theo hồ sơ về dự án với hồ sơ ĐTM của dự án. Nội dung này cũng phù hợp với quy định của Luật BVMT và Luật Xây dựng về việc quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | s) Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Tuy nhiên, việc tạo quỹ đất đầu tư xây dựng, thực hiện dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng đòi hỏi có quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy hoạch, thu hồi đất – bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất cho chủ đầu tư mới có cơ sở tiến hành thủ tục xây dựng. Do đó, “lộ trình bố trí quỹ đất…” gặp khó khăn và khó khả thi khi xây dựng, ban hành và triển khai trên thực tế; trong khi đó, nội dung quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung quy định tại điểm c, d Khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường. Kiến nghị có rà soát, sửa đổi, bổ sung phù hợp. | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, nội dung này sẽ được Bộ nghiên cứu, tiếp thu vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2020, dự kiến sẽ được ban hành trong năm 2026 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | t) Theo quy định của pháp luật về đầu tư, sau khi nhận đủ hồ sơ quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến nội dung thẩm định (trong đó có nội dung về môi trường của dự án). Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường chưa có quy định cụ thể nội dung phối hợp có ý kiến về môi trường để dự báo trách nhiệm, nội dung công tác bảo vệ môi trường từ thời điểm thực hiện chủ trương dự án; cũng như trách nhiệm, phạm vi vần có ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến.  Đối với dự án thuộc trường hợp đánh giá sơ bộ tác động môi trường, tại Khoản 4 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường, quy định: “*4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét đồng thời với hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư*”.  Đánh giá sơ bộ tác động môi trường không là thủ tục hành chính nên không có quy định việc thẩm định, có ý kiến nội dung đánh giá sơ bộ; tuy nhiên, trên thực tế, cơ quan đăng ký đầu tư thường lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường về các nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường của dự án (lý do thông thường là cơ quan đăng ký đầu tư không có chuyên môn để thẩm định nội dung về môi trường trong hồ sơ đề xuất đầu tư để trình quyết định). Như vậy, Luật không quy định thẩm định, có ý kiến nhưng trên thực tế, theo Luật Đầu tư, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường vẫn có ý kiến về đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Do vậy, kiến nghị có nghiên cứu, bổ sung quy định (nếu xét thấy cần thiết). | Bộ NN&MT có ý kiến như sau:  Bộ NN&MT đề nghị không bổ sung nội dung này trong Dự thảo Luật do đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của Luật BVMT 2020 không phải là TTHC, được lồng ghép xem xét đồng thời với hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư. Việc lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan trong quá trình quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp được lấy ý kiến, cơ quan quản lý về môi trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý cần có ý kiến về các nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường của dự án đã được quy định tại Luật BVMT 2020. | |
| **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật** | | |  |
| Khoản 2 | Thanh tra Chính phủ | Bổ sung cụm từ “đã được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" vào cuối câu. Lý do: Tránh nhập khẩu tùy tiện và vận dụng lý do nghiên cứu khoa học để nhập khẩu, nhân nuôi sinh vật gây hại tại Việt Nam. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau: Yêu cầu để nghiên cứu khoa học cần đáp ứng như sau: có cơ sở nghiên cứu khoa học thực sự và tư cách pháp nhân đầy đủ cũng như có lý do và mục đích nghiên cứu thực sự. Hơn nữa cơ quan nghiên cứu sẽ chịu trách nhiệm với việc nhập khẩu, theo dõi trong quá trính nghiên cứu. Chính vì vậy, không cần thiết bổ sung cụm từ *“đã được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường"* để tránh thêm thủ tục hành chính không cần thiết. | |
| Khoản 3 | Thanh tra Chính phủ | Bỏ cụm từ “về biện pháp xử lý, trình tự, thủ tục và”. Lý do: Điểm a khoản 2 Điều 26a quy định cán bộ kiểm dịch Việt Nam chỉ thực hiện giám sát việc thực hiện các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu. Do vậy, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam không có thẩm quyền xây dựng “biện pháp xử lý, trình tự, thủ tục tại nước sẽ xuất khẩu cây có bầu đất vào Việt Nam mà chỉ thực hiện nội dung giám sát. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật | |
| Khoản 8 | Thanh tra Chính phủ | Bổ sung cụ thể các trường hợp phải cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.  Lý do: Các loại Giấy chứng nhận trong lĩnh vực kiểm dịch và bảo vệ thực vật có thời hạn 05 năm đều quy định các trường hợp phải cấp lại, thu hồi; 02 loại giấy này tương tự như vậy nhưng không quy  định cụ thể. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽnghiên cứu tiếp thu và sửa đổi, bổ sung tổng thể Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, dự kiến trình Quốc hội vào tháng 10/2027. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a)Đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại số thứ tự các khoản tại Điều 2 vì không có khoản 4. Do đó, đề nghị bổ sung hoặc điều chỉnh lại cho phù hợp. | Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Tại khoản 5 quy định: *“3. Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc có Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật. Đối với thuốc bảo vệ thực vật sinh học được xét giảm yêu cầu về đăng ký, nhập khẩu, sản xuất, buôn bán và sử dụng”,* đề nghị quy định cụ thể nội dung được xét giảm. | Nội dung này đã đưa ra khỏi Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Bộ NNMT sẽnghiên cứu tiếp thu và sửa đổi, bổ sung tổng thể Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, dự kiến trình Quốc hội vào tháng 10/2027. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | c) Tại khoản 8 quy định *“****Điều 65. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật***  *1. Tổ chức, cá nhân đáp ứng các quy định tại Điều 61 hoặc Điều 63 của luật này thì được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.…”*  Qua rà soát các văn bản dưới luật hiện hành, cụ thể là Nghị định số 66/2016/NĐ-CP và Nghị định số 123/2018/NĐ-CP như sau:  Tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP đã quy định cụ thể về điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật: *"Tổ chức sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 61 của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau..."*  Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP, đã sửa đổi, bổ sung nội dung của Nghị định số 66/2016/NĐ-CP về điều kiện sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.  Do đó, kiến nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung vào Dự thảo Luật các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung trong các Nghị định nêu trên để đảm bảo tính thống nhất giữa Luật và các văn bản quy định chi tiết. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽnghiên cứu tiếp thu và sửa đổi, bổ sung tổng thể Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, dự kiến trình Quốc hội vào tháng 10/2027. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | d) Tại khoản 9: Kiến nghị bổ sung quy định chi tiết trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cho thống nhất với khoản 6, khoản 7 Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽnghiên cứu tiếp thu và sửa đổi, bổ sung tổng thể Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, dự kiến trình Quốc hội vào tháng 10/2027. | |
| **Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chăn nuôi** | | |  |
|  | Bộ Tư pháp | Một số nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Chăn nuôi chưa được đánh giá cụ thể về tính cần thiết, “điểm nghẽn” cần phải tháo gỡ ngay để tác động, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội hoặc vấn đề đã chín, đã rõ, mang lại hiệu quả tích cực, bền vững, ổn định, lâu dài, như: Mã số cơ sở chăn nuôi, truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi (khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11); Tự công bố thông tin đối với thức ăn bổ sung như thức ăn hỗn hợp (khoản 8 Điều 3 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 33); Sử dụng kháng sinh trong sản xuất thức ăn chăn nuôi (khoản 14 Điều 3 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 45); Thời hạn sử dụng các loại sản phẩm, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (khoản 15 Điều 3 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 48)… Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đầy đủ căn cứ, cơ sở, thông tin của việc sửa đổi, bổ sung các nội dung này tại Tờ trình để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NNMT đã rà soát và chỉ bổ sung “các điểm nghẽn” mang tính chất cấp thiết, nhằm tháo gỡ khó khăn kinh tế, để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong Luật Chăn nuôi (sửa đổi, bổ sung), 03 điểm nghẽn và đã có báo cáo giải trình kèm theo trong Tờ trình, như quy đinh “mã số cơ sở chăn nuôi, truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi”, “mật độ chăn nuôi” giao UBND cấp tỉnh quy định,… Còn đối với các nội dung khác đã được lược bỏ ra khỏi dự thảo như “Sử dụng kháng sinh trong sản xuất thức ăn chăn nuôi”, “Thờihạn sử dụng các loại sản phẩm, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi”,… | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Tại điểm a khoản 20, đề nghị điều chỉnh:  “*a) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:*  *h) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, cộng đồng dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*.” thành: “*h) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực* ***dân cư thuộc cấp******xã, phường, đặc khu*** *không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*.”  Lý do: Hiện nay, không còn thị xã, thị trấn. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NNMT đã chỉnh sửa, thay thế cụm từ “ thị xã, thịtrấn” bằng cụm từ “phường, đặc khu”, cụm từ “khu dân cư” bằng cụm từ “cộng đồng dân cư” tại điểm b khoản 2 Điều 4 và khoản 1 Điều 12 điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi số 32 | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Tại điểm b khoản 20 “b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:  “b) Giao đất, cho thuê đất, tạo quỹ đất theo thẩm quyền để phát triển chăn nuôi và trồng cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi”.  Kiến nghị xem xét giữ nguyên không sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018.  Lý do: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi trên địa bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Chăn nuôi, do đó không thể bỏ điểm b khoản 3 Điều 80 Luật Chăn nuôi. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NNMT đã bổ sung điểm d, đ, e vào sau điểm c khoản 3 Điều 80 như sau:  “d) Giao đất, cho thuê đất, tạo quỹ đất theo thẩm quyền để phát triển chăn nuôi và trồng cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôiđ) Tổ chức quản lý, phát triển chăn nuôi tại địa phương; thống kê, đánh giá và hỗ trợ thiệt hại cho cơ sở chăn nuôi sau thiên tai, dịch bệnh  e) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi trong địa bàn theo thẩm quyền.”Đồng thời, giữ nguyên không sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | c) Tại điểm a khoản 21, đề nghị điều chỉnh “a) Bãi bỏ điểm a khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 23; khoản 1 và khoản 5 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 37; khoản 5 Điều 45; điểm k khoản 1 Điều 38.” thành:“a) Bãi bỏ điểm a khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 23; khoản 1 và khoản 5 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 37; khoản 5 Điều 45; điểm k khoản 1 Điều 38; **khoản 2 Điều 80”.**  Lý do: Khoản 2 Điều 80 quy định nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, hiện nay không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NNMT đã bổ sung nội dung bãi bỏ “khoản 2 Điều 80 Luật Chăn nuôi”. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018 như sau:  “*d) Giao đất, cho thuê đất, tạo quỹ đất theo thẩm quyền để phát triển chăn nuôi và trồng cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi*.”.  b) Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 80 Luật Chăn nuôi để phù hợp với khoản 1 Điều 6 Nghị định 131/2025/NĐ-CP.  c) Sửa đổi Điều 34 và Điều 35 Luật Chăn nuôi để phù hợp với khoản 6 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP.  d) Sửa đổi khoản 3 Điều 41 Luật Chăn nuôi để phù hợp với khoản 7 Điều 10 Nghị định 136/2025/NĐ-CP. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NNMT đã bổ sung điểm d, đ, e vào sau điểm c khoản 3 Điều 80 như sau:  “d) Giao đất, cho thuê đất, tạo quỹ đất theo thẩm quyền để phát triển chăn nuôi và trồng cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôiđ) Tổ chức quản lý, phát triển chăn nuôi tại địa phương; thống kê, đánh giá và hỗ trợ thiệt hại cho cơ sở chăn nuôi sau thiên tai, dịch bệnh  e) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi trong địa bàn theo thẩm quyền.”Đồng thời, giữ nguyên không sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018. | |
| **Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đa dạng sinh học** | | |  |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Tại khoản 1: “*1. Sửa đổi bổ sung một số khoản tại Điểu 3 như sau:*  *“****Điều 3. Giải thích từ ngữ***  *1. Bảo tồn đa dạng sinh học là việc bảo vệ, duy trì sự phong phú và đa dạng về nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên*.”  đề xuất bổ sung thành: *“1. Bảo tồn đa dạng sinh học là việc bảo vệ, duy trì,* ***lưu giữ, bảo quản*** *sự phong phú và đa dạng về nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên".*  b) Đối với nội dung sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 22 đề nghị làm rõ cấp có thẩm quyền là cấp nào.  c) Tại điểm c khoản 13 quy định*“ Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường”, “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 6, Khoản 1 Điều 10, khoản 2 Điều 44, khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 49, khoản 2, khoản 3 Điều 50, khoản 1 Điều 54, khoản 4 Điều 57, khoản 1 Điều 63, khoản 4 Điều 66, khoản 1, khoản 2 Điều 68, khoản 3 Điều 69, khoản 4, khoản 5 Điều 71, khoản 3 Điều 72”.*  Tuy nhiên tại khoản 3 Điều 52 của Luật Đa dạng sinh học quy định*“Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* ”. Do đó, đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 52 vào điểm c khoản 13 Điều 4 dự thảo Luật này. | **Mục a:** Tại dự thảo đã điều chỉnh không sửa đổi khoản 1 Điều 3 Luật Đa dạng sinh học.  **Mục b:** Cấp có thẩm quyền thành lập Khu bảo tồn cấp quốc gia đã được quy định tại khoản 3 Điều 4 Dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 Luật Đa dạng sinh học).  **Mục c:** Hiện nay trong Dự thảo Luật đang quy định bãi bỏ toàn bộ Điều 52 tại điểm a khoản 12, điều 4 Dự thảo Luật. Do đó tại điểm c khoản 13 Điều 4 (nay là điểm b khoản 13 Điều 4) không cần quy định nội dung tại khoản 3 Điều 52 Luật Đa dạng sinh học. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | Đề nghị rà soát, bổ sung thêm các khoản, Điều trong Chương XIII của Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. | Đã thực hiện tối đa việc rà soát các quy định tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để quy định tại Dự thảo Luật | |
|  | Bộ Tư pháp | Khoản 12 Điều 4 dự thảo Luật quy định bãi bỏ khoản 2 Điều 58 Luật Đa dạng sinh học. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, viện dẫn chính xác điều, khoản, điểm cần bãi bỏ cho thống nhất thể hiện tại dự thảo Tờ trình (trang 19-20) và dự thảo Luật (khoản 12 Điều 4). | Tiếp thu ý kiến.  Việc bãi bỏ khoản 2 Điều 58 Luật Đa dạng sinh học thực hiện theo Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| **Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều** | | |  |
|  | Bộ Tài chính | Tại khoản 15 Điều 5 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Luật Đê điều), đề nghị chỉnh lý theo hướng: (i) bãi bỏ khoản 5 Điều 42; (ii) chuyển nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 42 thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương; (ii) chuyển nhiệm vụ quy định tại điểm b, c khoản 5 Điều 42 thành nhiệm vụ của Bộ NN&MT. Do:  - Phân cấp nhiệm vụ này sang trách nhiệm của địa phương để đảm bảo tinh thần 04 tại chỗ, tránh tình trạng chờ đợi vốn từ trung ương. Ngoài ra, pháp luật về ngân sách nhà nước đã quy định nội dung hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương. Pháp luật về đầu tư công hiện hành đã phân cấp triệt để cho các bộ, các địa phương trong việc giao dự toán đầu tư công. Trường hợp cần thiết, đề nghị quy định trách nhiệm của Bộ NN&MT trong việc tổng hợp đề xuất các hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương đối với nội dung đảm bảo an toàn cho các tình huống khẩn cấp về lũ.  - Để thống nhất với quy định về trách nhiệm của Bộ NN&MT tại Điều 36[[13]](#footnote-13) Luật Đê điều 2006, Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; Thông tư số 01/2009/TT-BNN.  - Nội dung quy định tại khoản 5 Điều 42 không phù hợp thẩm quyền của Bộ Tài chính theo pháp luật về đầu tư công hiện hành. | Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung bị tác động do việc phân cấp, phân quyền; sáp nhập, tổ chức lại bộ máy và tháo gỡ các điểm nghẽn mang tính cấp bách. Trong đó, nội dung sửa đổi Điều 42 Luật Đê điều chỉ sửa đổi tên các Bộ, ngành để phù hợp sau khi sáp nhập các Bộ.  Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu ý kiến của quý Bộ trong quá trình rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đê điều trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI. | |
|  | Bộ Tư pháp | Khoản 20 Điều 5 dự thảo Luật bãi bỏ toàn bộ Mục 2 Chương II của Luật Đê điều (bao gồm các điều từ Điều 13a đến Điều 19), trong đó quy định cụ thể về quy hoạch đê điều, gồm: quy hoạch đê điều; nguyên tắc và căn cứ để lập quy hoạch đê điều; nội dung quy hoạch đê điều; điều chỉnh quy hoạch đê điều; thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch đê điều; công bố và thực hiện quy hoạch đê điều. Việc bãi bỏ toàn bộ Mục này và hợp nhất quy hoạch đê điều vào quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê tại Mục 1 Chương II (khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 5 dự thảo Luật) mà chưa được đánh giá đầy đủ, cụ thể về tính chất, phạm vi, quy trình và thẩm quyền lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch có thể dẫn tới khoảng trống pháp lý đáng kể trong quản lý quy hoạch đê điều. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ hơn đánh giá tác động cũng như cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc hợp nhất 02 quy hoạch này tại Tờ trình, bảo đảm phù hợp, khả thi. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa tại dự thảo Luật (không gộp 02 quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và quy hoạch đê điều). | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Tại khoản 3 Điều 23 Luật Đê điều, quy định: *“3. Hành lang bảo vệ đối với kè bảo vệ đê, cống qua đê được giới hạn từ phần xây đúc cuối cùng của kè bảo vệ đê, cống qua đê trở ra mỗi phía 50 mét.”*. Đề nghị bãi bỏ khoản này và thay thế bằng “*3. Hành lang bảo vệ đối với kè bảo vệ đê, cống qua đê, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình đặc điểm thực tế của từng tỉnh quy định chi tiết hành lang bảo vệ kè bảo vệ đê, cống qua đê”.*  Lý do: công trình đê điều được xây dựng cả khu vực nông thôn, đô thị; các cống qua đê có quy mô khác nhau, việc quy định phạm vi bảo vệ từ phần xây đúc cuối trở ra mỗi phía 50 mét là không phù hợp, đặc biệt đối với khu vực đô thị như Thành phố Hồ Chí Minh; phạm vi kè bảo vệ đê lớn hơn phạm vi bảo vệ đê quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 23 Luật Đê điều năm 2006 là chưa phù hợp. | Bộ NNMT giải trình như sau: Nội dung quy định về hành lang bảo vệ đối với kè bảo vệ đê, cống qua đê đã được nghiên cứu kỹ lưỡng trong quá trình xây dựng Luật Đê điều, quy định này phù hợp với thực tế, trong quá trình thi hành Luật cơ bản không phát sinh vướng mắc. Vì vậy, đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Tại khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều năm 2006 quy định:  *“1. Những hoạt động sau đây phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép:*  *...”.*  Căn cứ khoản 4 Điều 62 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; quy định: *“4. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục xử lý theo thẩm quyền đối với các hồ sơ giải quyết theo thủ tục hành chính đã tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”.*  Theo đó, thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đê điều là của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Để đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, đồng thời giảm thiểu khối lượng công việc cho chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, đề nghị điều chỉnh như sau:  *1. Những hoạt động sau đây phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép hoặc phân cấp cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép theo phân cấp:*  *...”.* | Bộ NNMT giải trình như sau: Điều 25 Luật Đê điều và khoản 4 Điều 62 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 đã quy định cụ thể việc cấp giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều, trong quá trình thực hiện cơ bản không phát sinh vướng mắc. Đồng thời, để đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa các địa phương trong việc cấp phép, đề nghị thực hiện theo các quy định hiện hành. | |
| **Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản** | | |  |
| Khoản 1 | Thanh tra Chính phủ | Đề nghị rà soát và viết lại. Do có một phần nội dung đã được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật. Bộ NNMT sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và Khoáng sản | |
| Khoản 4 | Thanh tra Chính phủ | Giữ nguyên cụm từ “sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan.” Do Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ chỉ phân quyền việc phê duyệt. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật. Bộ NNMT sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và Khoáng sản | |
| Điểm b Khoản 11 | Thanh tra Chính phủ | Sửa điểm I thành i. Nên viết chữ thường thay vì chữ hoa. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật. Bộ NNMT sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và Khoáng sản | |
| Khoản 16, khoản 17 | Thanh tra Chính phủ | Gộp 02 khoản thành 01 khoản. Do cùng bổ sung Điều 107. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật. Bộ NNMT sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và Khoáng sản | |
| Khoản 20 | Thanh tra Chính phủ | Xem xét lại quy định này. Vì trong trường hợp cá nhân, tổ chức không đồng ý thì có thực hiện thu hồi hay không? | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật. Bộ NNMT sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Địa chất và Khoáng sản | |
| **Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khí tượng thủy văn** | | |  |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | Đề nghị bổ sung khoản 7 với nội dung: Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 10, khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 11, điểm b khoản 6 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 13, Điều 14, điểm a khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 18, khoản 3 Điều 22, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 25, khoản 5 Điều 30, khoản 2 Điều 31, khoản 8 Điều 33, Điều 44, Điều 47, Điều 51, Điều 52, điểm o khoản 1 Điều 53, khoản 3 Điều 55. | Tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước quy định: “*Khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, tên gọi của cơ quan, chức danh có thẩm quyền đã quy định tại các văn bản được chuyển đổi theo tên gọi của cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó*” và khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này cũng quy định: “*Khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được tiếp tục thực hiện bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó*”. Do đó, dự thảo Luật xin không bổ sung quy định này. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | Kiến nghị thống nhất thẩm quyền cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 25 và Điều 53 Luật Khí tượng thủy văn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, điều chỉnh điểm c Khoản 1 Điều 53 Luật Khí tượng thủy văn thành "*Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật*". | Bộ Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:  Tại điểm c khoản 5 Điều 25 quy định về trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp tỉnh đối với việc cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân trong phạm vi địa phương còn điểm c khoản 1 Điều 53 là quy định chung của UBND cấp tỉnh đối với công tác khí tượng thủy văn ở địa phương. Đồng thời, tại dự thảo Luật này chỉ luật hóa những quy định tại các Nghị định số 131/2025/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP. Do đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin được giữ nguyên các nội dung như trong dự thảo Luật. | |
| **Điều 9. Sửa đôi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp** | | |  |
|  | Bộ Tài chính | - Tại điểm a khoản 18 Điều 9 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung điểm g, h Điều 102 Luật Lâm nghiệp), đề nghị rà soát, chỉnh lý quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng cho thống nhất với Luật Giá năm 2023, do tại điểm này quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh; trong khi tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023 về danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ bổ sung để sửa đổi điểm h khoản 1 Điều 102 cho phù hợp với Luật Giá năm 2023. | |
|  | Bộ Tư pháp | a) Về sửa đổi, bổ sung Điều 20 (khoản 5 Điều 9 dự thảo Luật): Hiện nay, quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai năm 2024[[14]](#footnote-14). Do đó, trường hợp không ban hành Luật thay thế Luật Lâm nghiệp, việc chỉ cập nhật nội dung Điều 20 Luật Lâm nghiệp giống như khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai (mà không sửa đổi, bổ sung về nội dung) là không cần thiết, đề nghị cân nhắc lược bỏ.  Bên cạnh đó, dự thảo Luật bổ sung quy định khoản 2, khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp (về thẩm quyền điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án phải thực hiện lại trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác khi không được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác). Tuy nhiên, tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 27/2024/NĐ-CP và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP) đã quy định 02 nội dung này (khoản 7 Điều 41; Điều 41b). Do vậy, việc cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng các bất cập trong thực tiễn do Luật Lâm nghiệp chưa có quy định này (trang 25 dự thảo Tờ trình) có thể không chính xác. Đề nghị rà soát và cân nhắc không cần thiết phải bổ sung các quy định nêu trên. | Đề nghị giữ nguyên dự thảo, lý do:  - Ngày 12/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, trong đó đã phân quyền, phân cấp thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục công trình dự án có chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do vậy, để bảo đảm đồng bộ, thống nhất về thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng và chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất, tại khoản 4 Điều 8 dự thảo Luật đã phân quyền, phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  - Quy định “Sau 24 tháng kể từ ngày dự án được quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, chủ đầu tư dự án phải thực hiện lại trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác khi không được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác” là quy định mang tính nguyên tắc, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng. Do đó, quy định này cần được quy định trong Luật, không chỉ dừng lại ở văn bản dưới luật, nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của hệ thống pháp luật.  - Việc luật hóa quy định nguyên tắc nêu trên sẽ củng cố cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật; bảo đảm việc thực thi được chắc chắn, minh bạch, tạo sự đồng thuận của xã hội; đồng thời tránh tình trạng các bộ, ngành, địa phương hiểu và áp dụng không thống nhất. | |
|  | Bộ Tư pháp | b) Về bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 52 (khoản 13 Điều 9 dự thảo Luật): Điểm đ khoản 1 Điều 52 quy định đối với vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh *“Được khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ có nguồn gốc từ rừng trồng không là loài cây bản địa trong phân khu phục hồi sinh thái và phân khu hành chính, dịch vụ* *trong quá trình thực hiện biện pháp lâm sinh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.* Tuy nhiên, điểm b khoản 1 Điều 52 đã quy định đối với phạm vi khu này *“Được khai thác tận dụng cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, nấm trong phân khu dịch vụ; hành chính của rừng đặc dụng”*. Do đó, việc bổ sung nội dung như điểm đ khoản 1 Điều 52 gây trùng lắp với nội dung đã được quy định tại chính khoản 1 Điều 52. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sửa đổi, bổ sung nội dung về khai thác tận dụng lâm sản có nguồn gốc từ rừng trồng trong rừng đặc dụng tại điểm b khoản 1 Điều 52. | Tiếp thu ý kiến, nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo Luật | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a)Đối với khoản 4 (điểm a khoản 1 Điều 19 sửa đổi, bổ sung): Đề nghị điều chỉnh *“a) Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã”* thành *“a) Phù hợp với* ***chỉ tiêu sử dụng đất trong*** *quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc* ***chỉ tiêu sử dụng đất rừng trong*** *quy hoạch* ***cấp*** *tỉnh hoặc* ***chỉ tiêu sử dụng đất rừng trong*** *quy hoạch cấp xã”.*  Lý do:  Hiện nay, để chứng minh tính phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp, cơ quan thẩm định thường yêu cầu dự án phải có tên cụ thể, xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, loại rừng... Việc này gây ra khó khăn đáng kể cho các địa phương và chủ đầu tư trong giai đoạn đề xuất chủ trương đầu tư, đặc biệt là với các dự án chưa xác định chính xác ranh giới hoặc đang trong giai đoạn khảo sát sơ bộ.  Trong khi đó, bản chất của quy hoạch lâm nghiệp là xác định chỉ tiêu sử dụng đất lâm nghiệp (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) theo không gian và thời gian. Việc chuyển mục đích sử dụng rừng, nếu vẫn nằm trong giới hạn chỉ tiêu đất lâm nghiệp được cấp thẩm quyền phân bổ theo quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh và quy hoạch 3 loại rừng, thì cần được xem xét là **phù hợp về mặt định hướng và chỉ tiêu quy hoạch**.  **Do đó, đề xuất nên** cho phép việc chứng minh dự án phù hợp với **chỉ tiêu sử dụng đất rừng** đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch lâm nghiệp làm cơ sở xác định tính phù hợp, thay vì yêu cầu khớp 100% với vị trí hoặc dự án đã xác định trong quy hoạch chi tiết lâm nghiệp. Việc này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho thu hút đầu tư, đồng thời vẫn bảo đảm kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng định hướng quy hoạch.  b) Đối với khoản 4 (khoản 2 Điều 19 sửa đổi, bổ sung): Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung: *“2. Đối với diện tích rừng trồng thuộc* ***quy hoạch lâm nghiệp*** *sau khai thác trắng và diện tích đất thuộc* ***quy hoạch lâm nghiệp*** *đã trồng rừng nhưng chưa đủ tiêu chí thành rừng không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải thực hiện trách nhiệm trồng rừng thay thế theo quy định tại Điều 21 Luật này.”* thành *“2. Đối với diện tích rừng trồng thuộc* ***03 loại rừng*** *sau khai thác trắng và diện tích đất thuộc* ***03 loại rừng*** *đã trồng rừng nhưng chưa đủ tiêu chí thành rừng không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhưng phải thực hiện trách nhiệm trồng rừng thay thế theo quy định tại Điều 21 Luật này.”*.  Do diện tích thuộc quy hoạch lâm nghiệp không đảm bảo tiêu chí chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng. | Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì:  - Điều kiện “Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã” có **tính hợp pháp rõ ràng**, được quy định trong Luật Lâm nghiệp và phù hợp với nguyên tắc sử dụng đất trong Luật Đất đai. Quy định đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát, định hướng việc chuyển mục đích sử dụng rừng, bảo đảm sự thống nhất trong quản lý tài nguyên, cân bằng phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và lợi ích cộng đồng.  - Rừng có giá trị đặc biệt về môi trường, sinh thái, đa dạng sinh học. Nếu cho phép tự do chuyển mục đích sử dụng, nguy cơ mất rừng và suy thoái môi trường là rất lớn. Điều kiện "phù hợp với quy hoạch" là hàng rào pháp lý để ngăn ngừa việc chuyển đổi tràn lan, bảo đảm chỉ những dự án thật sự cần thiết, đã được Nhà nước cân nhắc và dự liệu trong quy hoạch, mới được phép thực hiện;  - Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp xã là những công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước. Việc đặt ra điều kiện này nhằm đồng bộ hóa giữa quản lý rừng và quản lý đất đai, tránh tình trạng quy hoạch chồng chéo, mâu thuẫn.  - Chỉ những dự án chuyển đổi rừng phục vụ lợi ích quốc gia, cộng đồng hoặc phát triển kinh tế - xã hội đã được hoạch định mới được phép triển khai. Điều này giúp cân bằng lợi ích phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, đảm bảo thế hệ sau vẫn có nguồn tài nguyên rừng.  Đề nghị giữ nguyên dự thảo, vì: Quy định tại dự thảo đã đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với pháp luật đất đai, lâm nghiệp, cụ thể: đất vẫn thuộc **quy hoạch lâm nghiệp**, chỉ chưa đủ điều kiện công nhận thành rừng hoặc đã khai thác trắng. Việc không yêu cầu thủ tục chuyển mục đích rừng là hợp lý, song việc sử dụng đất vẫn phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch lâm nghiệp. | |
| **Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, Chống thiên tai** | | |  |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 1 Điều 10 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 9 Luật Phòng, Chống thiên tai), để thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước 2025, đề nghị sửa đổi nội dung này như sau: “*c) Trường hợp có nhu cầu hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương, UBND cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước*”.  Đồng thời, tại Tờ trình Chính phủ, đề nghị bổ sung, làm rõ lý do bãi bỏ vai trò tổng hợp thiệt hại do thiên tai của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. | Hiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung bị tác động do việc phân cấp, phân quyền; sáp nhập, tổ chức lại bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp. Vấn đề quý Bộ nêu, xin ghi nhận ý kiến góp ý để nghiên cứu trong quá trình thực hiện. | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 11 Điều 10 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, Chống thiên tai), đề nghị cân nhắc bỏ, do các nhiệm vụ chi như: xây dựng mới công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi,...; xây dựng cơ sở hạ tầng và di dời dân cư vùng bị ảnh hưởng do thiên tai là các nhiệm vụ chi có tính chất lâu dài, cần được bố trí từ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. | Hiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung bị tác động do việc phân cấp, phân quyền; sáp nhập, tổ chức lại bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp. Vấn đề quý Bộ nêu, xin ghi nhận ý kiến góp ý để nghiên cứu trong quá trình thực hiện. | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 14 Điều 10 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 33 Luật Phòng, Chống thiên tai), đề nghị cân nhắc bỏ để tránh trùng lặp nhiệm vụ kêu gọi, tiếp nhận của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố được quy định tại các điểm a, b,c, d Điều 33 của Luật Phòng, Chống thiên tai hiện hành. | Hiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung bị tác động do việc phân cấp, phân quyền; sáp nhập, tổ chức lại bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp. Vấn đề quý Bộ nêu, xin ghi nhận ý kiến góp ý để nghiên cứu trong quá trình thực hiện. | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 15 Điều 10 dự thảo Luật (bổ sung điểm e khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, Chống thiên tai) và khoản 16 Điều 10 (sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 42 Luật Phòng, Chống thiên tai), đề nghị rà soát, xác định rõ chức năng của các cơ quan đầu mối liên quan đến công tác hợp tác quốc tế trong phòng, chống thiên tai và chỉnh lý để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 40[[15]](#footnote-15), khoản 2, khoản 3 Điều 42 của Luật Phòng, Chống thiên tai 2013, tránh trùng lắp và chồng chéo (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã sáp nhập với Bộ Tài nguyên và Môi trường thành Bộ NN&MT, Uỷ ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn đã đổi tên thành Uỷ ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn,...). Đồng thời, đề nghị quy định rõ phạm vi các điều ước quốc tế do Bộ NN&MT chủ trì đề xuất ký kết, gia nhập để đảm bảo không chồng lấn các cơ quan khác (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính) và đảm bảo thống nhất các quy định liên quan. | Hiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung bị tác động do việc phân cấp, phân quyền; sáp nhập, tổ chức lại bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp. Vấn đề quý Bộ nêu, xin ghi nhận ý kiến góp ý để nghiên cứu trong quá trình thực hiện. | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 10 Điều 42 Luật Phòng, Chống thiên tai (được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 16 Điều 10 dự thảo Luật), đề nghị sửa đổi như sau:  “*10. Bộ Tài chính có trách nhiệm sau đây:*  *a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài chính cho phòng, chống thiên tai~~, chính sách bảo hiểm rủi ro thiên tai; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các bộ và địa phương~~;*  *b) Tổng hợp và bố trí dự toán ngân sách nhà nước* ***trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương*** *để chi cho nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước,* ***Luật Đầu tư công****, ~~và~~ Luật ~~này~~* ***Phòng, chống thiên tai và phân cấp ngân sách hiện hành;***  *~~c) Bố trí vốn đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai;~~*  *~~d) Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước;~~*  *đ) Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.*”.  Đồng thời, đề nghị rà soát nội dung tại Điều 16 Luật Phòng chống thiên tai cho thống nhất nội dung trên[[16]](#footnote-16).  Lý do:  + Về việc bỏ cụm từ “chính sách bảo hiểm rủi ro thiên tai”  (i) Theo quy định tại Điều 8 Luật Kinh doanh bảo hiểm về bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm rủi ro thiên tai không phải là bảo hiểm bắt buộc. Do vậy, Chính phủ chưa quy định chi tiết về điều kiện bảo hiểm, mức  phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với bảo hiểm rủi ro thiên tai.  (ii) Theo quy định tại Điều 4 Nghị định 46/2023/NĐ-CP về 11 nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm rủi ro thiên tai không phải là một trong những nghiệp vụ bảo hiểm này. Rủi ro thiên tai là một trong các rủi ro được bảo hiểm trong các sản phẩm bảo hiểm thuộc 11 nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ theo quy định tại Điều 4 Nghị định 46/2023/NĐ-CP. Ngoài ra, Chính phủ đã có quy định về việc bổ sung rủi ro thiên tai trong bảo hiểm tài sản công tại Nghị định số 127/2025/NĐ-CP về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công và bảo hiểm nông nghiệp tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp.  + Về việc bỏ quy định về trách nhiệm lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các bộ và địa phương và bố trí vốn đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai:  Việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ chung của tất cả các bộ ngành, địa phương. Việc quy định như trên sẽ không bao quát được phạm vi, đồng thời gây cách hiểu đây là nhiệm vụ riêng biệt của Bộ Tài chính, không phù hợp với quy định hiện hành. Đối với “nhiệm vụ phòng, chống thiên tai” và “bố trí vốn đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai” thuộc trách nhiệm bố trí kinh phí trực tiếp của các bộ, ngành trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, nội dung tại điểm b khoản 10 Điều 42 đã bao hàm các nội dung đề nghị bổ sung mới, không cần thiết đề xuất sửa đổi, bổ sung. | Hiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung bị tác động do việc phân cấp, phân quyền; sáp nhập, tổ chức lại bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp. Vấn đề quý Bộ nêu, xin ghi nhận ý kiến góp ý để nghiên cứu trong quá trình thực hiện. | |
|  | Bộ Tài chính | - Đề nghị bỏ khoản 11 Điều 42 Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13. | Tiếp thu ý kiến, Dự thảo Luật đã quy định thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” | |
|  | Bộ Tài chính | - Đề nghị rà soát, cập nhật tên đơn vị làm công tác phòng chống thiên tai vì: căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 34 và điểm i, k, o khoản 4 Điều 54 của Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai sẽ được thay thế bằng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Việc thay thế này được thực hiện theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự 2023 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024. | Tiếp thu ý kiến, rà soát để thay thế cụm từ theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự 2023 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 | |
|  | Bộ Tư pháp | Về sửa đổi, bổ sung Điều 32 (khoản 13 Điều 10 dự thảo Luật) quy định hình thức, đối tượng và nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ, cụ thể: đã bổ sung nhiều nội dung hỗ trợ trung hạn và dài hạn mới (như nâng cấp, xây dựng mới trụ sở, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng thiết yếu khác, xây dựng cơ sở hạ tầng và di dời dân cư vùng bị ảnh hưởng do thiên tai). Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa giải trình rõ cơ sở/ lý do của việc bổ sung trên, chưa làm rõ nhiệm vụ giữa hỗ trợ, cứu trợ thiên tai và đầu tư công nhằm phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, có thể phát sinh sự trùng lắp, chồng chéo với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Nhà ở, Luật Xây dựng, Luật Đường bộ, Luật Ngân sách nhà nước…  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan làm rõ sự cần thiết của các quy định được bổ sung; đánh giá kỹ nguồn lực tài chính để tổ chức thực hiện. Đồng thời, đánh giá tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, tính đồng bộ, tập trung, tiết kiệm và hiệu quả, khả thi của quy định. | Hiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung sửa đổi, bổ sung các nội dung bị tác động do việc phân cấp, phân quyền; sáp nhập, tổ chức lại bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp. Vấn đề quý Bộ nêu, xin ghi nhận ý kiến góp ý để nghiên cứu trong quá trình thực hiện. | |
| **Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tài nguyên nước** | | |  |
| Khoản 1 | Thanh tra Chính phủ | Đề nghị bỏ cụm từ “nhưng không có biện pháp khắc phục”. Vì đây là những hành vi nghiêm cấm và nếu có biện pháp khắc phục thì cũng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát và thấy rằng, cụm từ “*nhưng không có biện pháp khắc phục*” đã được quy định từ Luật Tài nguyên nước năm 2023 để hạn chế tình trạng lấn, lấp sông, suối, kênh, mương, rạch… Nội dung này đã được Quốc hội thảo luận kỹ lưỡng vì gây tác động lớn đến tổ chức, cá nhân. Dự thảo Luật chỉ sửa đổi kỹ thuật trình bày để bảo đảm tính thống nhất trong quá trình áp dụng. | |
| Khoản 5 | Thanh tra Chính phủ | Rà soát lại quy định “trừ trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định phân cấp theo quy định tại khoản 9 Điều này”. Vì khoản 9 không có nội dung quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định phân cấp. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát và chỉnh sửa tại khoản 6 Điều 10 của dự thảo Luật | |
| Khoản 7, khoản 8 | Thanh tra Chính phủ | Đề nghị gộp 02 khoản thành 01 khoản Do cùng sửa đổi Điều 52 Luật Tài nguyên nước. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát và thấy rằng dự thảo Luật không sửa đổi, bổ sung Điều 52 Luật Tài nguyên nước. | |
| Khoản Điều 11 | Thanh tra Chính phủ | Sửa tiêu đề thành “Bổ sung điểm g, điểm h vào khoản 3 Điều 80 như sau”. đề phù hợp với nôi dùng chỉ tiết của khoản. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát và chỉnh sửa kỹ thuật trình bày đồng thời, không bổ sung điểm h trong dự thảo Luật. | |
| Điểm b khoản 12 | Thanh tra Chính phủ | Bổ sung nội dung bãi bỏ từ “thanh tra” tài điểm đ, điểm k khoản Điều 79 Luật Tài nguyên nước. Hiện nay cơ quan Bộ không còn tổ chức và chức năng thanh tra. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát và chỉnh sửa, bổ sung tại điểm b khoản 11 Điều 10 của dự thảo Luật như sau: ***“bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại điểm đ, điểm k khoản 2 Điều 79”.*** | |
| **Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo** | | |  |
|  | Thanh tra Chính phủ | Khoản 2 Điều 12: Bổ sung việc gửi thông tin về thời gian thực hiện của dự án về Nông nghiệp và Môi trường. Để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo phục vụ công tác quản lý nhà nước. | Nội dung này đã được xem xét, lược bỏ tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Tuy nhiên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin được tiếp thu ý kiến để tổng hợp, phục vụ sửa đổi, bổ sung trong quá trình nghiên cứu xây dựng để sửa đổi tổng thể Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. | |
| **Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thú y** | | |  |
|  | Bộ Tài chính | - Đề nghị chỉnh sửa kỹ thuật, sắp xếp các Điều sửa đổi, bổ sung theo đúng thứ tự.  - Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Luật Thú y) như sau: “*2. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y cấp xã và chế độ,* ***chính sách đối với nhân viên thú y cấp xã*”**,do:Ngày 16/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trong đó không còn quy định đơn vị hành chính cấp xã là thị trấn, bổ sung đơn vị hành chính cấp xã là đặc khu,... | Bộ NN và MT xin ghi nhận ý kiến này. Hiện nay, trong dự thảo Luật Thú y đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Khoản 1 Điều 2 như sau:  “b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:“2. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động chăn nuôi và thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí thú y xã, phường, đặc khu và chế độ, chính sách đối với thú y xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là thú y xã.)”.” | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Tại điểm b khoản 1, đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung:  “*b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:*  *2. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn và chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.”.*  thành: “*2. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bố trí nhân viên thú y xã, phường,* ***đặc khu*** *và chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y xã, phường,* ***đặc khu*.”.**  Lý do: để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. | Bộ NN và MT xin ghi nhận ý kiến này. Hiện nay, trong dự thảo Luật Thú y đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 1 Điều 2 như sau:  “b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:“2. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động chăn nuôi và thú y trên địa bàn và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bốtrí thú y xã, phường, đặc khu và chế độ, chính sách đối với thú y xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là thú y xã.)”.” | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Tại điểm c khoản 1, đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung:  *c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:*  *“3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết khoản 1 Điều này*.”  thành:  *c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:*  *“3.* ***Chính phủ*** *quy định chi tiết khoản 1 Điều này*.”  Lý do: Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và Thú y cấp tỉnh (Chi cục) không thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị định 35/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | Bộ NNMT xin ghi nhận ý kiến này. Hiện nay, trong dự thảo Luật Thú y đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 34 Điều 2 như sau: “34. Bãi bỏ Khoản 3 Điều 6; Khoản 10 Điều8; Khoản 2 Điều 9; Khoản 4 Điều 25; Khoản 4 Điều 27; Khoản 5 Điều 33; Khoản 4 Điều 35; Điều 42, Điều 45, Điều 48; Khoản 3 Điều 57; Điểm a khoản 1, Điểm a, Điểm đ Khoản 2 Điều 69; Điểm b khoản 2 Điều 73; Khoản 1 Điều 74; Khoản 2 Điều 76; Điểm b khoản 4 Điều 78; Khoản 4 Điều 80; Khoản 4 Điều 81; Khoản 3 Điều 82; Điều 85; Khoản 3 Điều 86; Khoản 2 Điều 88; Khoản 1, khoản 6 Điều 90; Khoản 1 Điều 92; Khoản 4 Điều 96; Khoản 4 Điều 97; Khoản 4 Điều 98; Điểm b khoản 1 Điều 108; Khoản 4 và khoản 5 Điều 109; Điều 110 Luật Thú y. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | c) Tải khoản 5 kiến nghị điều chỉnh: “*5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 25 như sau:*  *“b) Chỉ đạo nhân viên thú y cấp xã, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, giám sát chủ vật nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi thực hiện cách ly động vật mắc bệnh, thống kê số lượng động vật mắc bệnh, động vật mẫn cảm với bệnh dịch động vật; phối hợp với cơ quan quản lý* ***chuyên ngành thú y cấp tỉnh*** *lấy mẫu bệnh phẩm; xác định ổ dịch bệnh động vật, thông báo trên phương tiện truyền thông của địa phương và hướng dẫn thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y trong chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; Bố trí kinh phí xử lý ổ dịch bệnh động vật*”  thành “*b) Chỉ đạo nhân viên thú y cấp xã, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, giám sát chủ vật nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi thực hiện cách ly động vật mắc bệnh, thống kê số lượng động vật mắc bệnh, động vật mẫn cảm với bệnh dịch động vật; phối hợp với cơ quan quản lý* ***chuyên ngành chăn nuôi và thủ y*** *cấp tỉnh lấy mẫu bệnh phẩm;* *xác định ổ dịch bệnh động vật, thông báo trên phương tiện truyền thông của địa phương và hướng dẫn thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y trong chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; Bố trí kinh phí xử lý ổ dịch bệnh động vật*”. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NNMT đã chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 2 Dự thảo Luật, cụ thể:  “Phối hợp với Trạm thuộc cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh” | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | d) Tại khoản 17 kiến nghị điều chỉnh:  “*17. Bổ sung một khoản vào Điều 37 như sau:*  *4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm*.”.  thành: “*17. Bổ sung một khoản vào* ***Điều 56*** *như sau:*  *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm*.”.  Lý do: Điều 37 Luật Thú y năm 2015: *“Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.”* vàĐiều 56 Luật Thú y năm 2015: *“Trình tự, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.”.* | Bộ NNMT đề nghị giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau:  - Tại Điều 37 dự thảo Luật Quy định chung về kiểm dịch động vật trên cạn, không đưa nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm. Nội dung này cũng như các Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản được quy định tại Điều 53.  - Tại Khoản 2 Điều 56 Dự thảo Luật Thú y đã quy định “Nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản không dùng làm thực phẩm xuất khẩu thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường” | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | đ) Tại khoản 19 kiến nghị điều chỉnh:  “*19. Bổ sung một khoản vào Điều 53 như sau:*  *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản*.”.  thành: “*19. Bổ sung một khoản vào* ***Điều 58*** *như sau:*  *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản*.”  Lý do: Điều 53 Luật Thú y năm 2015:*“Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.”* và Điều 58 Luật Thú y năm 2015: *“Trình tự, nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản.”* | Bộ NNMT đề nghị giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau:  - Tại Điểm d khoản 3 Điều 53 Dự thảo Luật Thú y quy định thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Quy định cụ thể nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục về tất cả các lĩnh vực kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản. Trong khi đó, Điều 58 chỉ đưa ra các yêu cầu, nội dung chung mang tính nguyên tắc liên quan đến kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoạiquan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; vậnchuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | e) Tại khoản 32 quy định “*32. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều sau đây:*  *Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 6, khoản 10 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 27, khoản 5 Điều 33, khoản 4 Điều 35, khoản 1 Điều 74, khoản 2 Điều 76; khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 100*.”  Kiến nghị xem xét không bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 6, sửa đổi thành: “*b)* *Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường*;”. Lý do:  - Theo quy định pháp luật có cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (Chi cục).  - Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp tỉnh là cơ quan chuyên ngành về chăn nuôi và thú y trực tiếp tham mưu cho Sở và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác quản lý chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh động vật.  - Các quy định đều có quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh. | Bộ NNMT xin ghi nhận ý kiến này. Hiện nay, trong dự thảo Luật Thú y đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 34 và 35 Điều 2 như sau:  “34. Bãi bỏ Khoản 3 Điều 6; Khoản 10 Điều 8; Khoản 2 Điều 9; Khoản 4 Điều 25; Khoản 4 Điều 27; Khoản 5 Điều 33; Khoản 4 Điều 35; Điều 42, Điều 45, Điều 48; Khoản 3 Điều 57; Điểm a khoản 1, Điểm a, Điểm đ Khoản 2 Điều 69; Điểm b khoản 2 Điều 73; Khoản 1 Điều 74; Khoản 2 Điều 76; Điểm b khoản 4Điều 78; Khoản 4 Điều 80; Khoản 4 Điều 81; Khoản 3 Điều 82; Điều 85; Khoản 3 Điều 86; Khoản 2 Điều 88; Khoản 1, khoản 6 Điều 90; Khoản 1 Điều 92; Khoản 4 Điều 96; Khoản 4Điều 97; Khoản 4 Điều 98; Điểm b khoản 1Điều 108; Khoản 4 và khoản 5 Điều 109;Điều 110 Luật Thú y.35. Thay thế một số cụm từ sau đây:  a) Thay thế cụm từ “nhân viên thú y cấp xã,phường, thị trấn” bằng cụm từ “thú y xã”; thaythế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nôngthôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môitrường.”; thay thế cụm từ “Cục Thú y” bằngcụm từ “Cơ quan quản lý chuyên ngành chănnuôi và thú y trung ương.”; thay thế cụm từ “SởNông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằngcụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường.”; thaythế cụm từ “Chi cục có chức năng quản lýchuyên ngành thú y” bằng cụm từ “Chi cụccó chức năng quản lý chuyên ngành chănnuôi và thú y” tại các điều, khoản điểm củaLuật Thú y.” | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Tại điểm d khoản 1 Điều 35 Luật Thú y năm 2015 quy định “*d) Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc nơi nuôi trồng thủy sản, phương tiện, dụng cụ, nước thải và chất thải trong nuôi trồng thủy sản theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y*”, điều chỉnh thành: “*d) Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc nơi nuôi trồng thủy sản, phương tiện, dụng cụ, nước thải và chất thải trong nuôi trồng thủy sản theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành* ***thủy sản***.”.  Lý do: Theo quy định có cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản thực hiện. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NNMT đã chỉnh sửa tại điểm a khoản 10 Điều 2 Luật (sửa đổi, bổ sung), cụ thể: “a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 35 như sau:  “d) Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc nơi nuôi trồng thủy sản, phương tiện, dụng cụ, nước thải và chất thải trong nuôi trồng thủy sản theo hướng *dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành* thủysản.”. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Sửa đổi khoản 2 Điều 96 Luật Thú y để phù hợp với trình tự thủ tục thực hiện quy định tại mục 3, mục 4 Phụ lục II Nghị định 136/2025/NĐ-CP. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ NNMT đã chỉnh sửa tại khoản 28 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung, cụ thể:  “Điều 96. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin); cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin).” | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | c) Sửa đổi khoản 2 Điều 98 Luật Thú y để phù hợp với trình tự thủ tục thực hiện quy định tại mục 5, mục 6 Phụ lục II Nghị định 136/2025/NĐ-CP. | Về nội dung này, đã được tiếp thu và thể hiện tại khoản 30 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung, cụ thể:  “Điều 98. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp, thuhồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩuthuốc thú y; cấp lại Giấy chứng nhận đủ điềukiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợpbị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin cóliên quan đến tổ chức đăng ký). | |
| **Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi** | | |  |
|  | Bộ Tài chính | - Đề nghị bỏ khoản 4 Điều 14 dự thảo Luật (bổ sung khoản 4 Điều 20 Luật Thủy lợi) vì lý do: (i) Không thuộc nội dung quản lý, khai thác công trình thủy lợi; (ii) Trùng lặp quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Thủy lợi[[17]](#footnote-17); (iii) Các nội dung liên quan đến sử dụng kinh phí quản lý, khai thác công trình thủy lợi đã được quy định tại Thông tư số 73/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu để đề xuất sửa đổi toàn diện Luật giai đoạn 2026-2030 | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 5 Điều 14 dự thảo Luật (nội dung sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Thủy lợi), đề nghị sửa đổi như sau: “*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này; quản lý hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý công trình thủy lợi căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này*”. Lý do: tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật, đảm bảo không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị. | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại khoản 1 Điều 23 Luật Thủy lợi, đề nghị bỏ quy định “cơ quan nhà nước” về loại hình tổ chức khai thác công trình thủy lợi do không thuộc đối tượng tổ chức khai thác công trình thủy lợi. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu để đề xuất sửa đổi toàn diện Luật giai đoạn 2026-2030 | |
|  | Bộ Tài chính | - Tại Khoản 9 Điều 14 dự thảo Luật (bổ sung khoản 4 Điều 29 Luật Thủy lợi), đề nghị cân nhắc về tính khả thi của quy định này, vì quy định hiện nay chưa rõ trường hợp xác nhận, nội dung xác nhận và phạm vi dịch vụ cần xác nhận.  Trường hợp cần phải quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận kết quả cung cấp dịch vụ thủy lợi của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thủy lợi thì đề nghị nghiên cứu quy định chung cho tất cả các loại hình dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật Thủy lợi (nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Thủy lợi tại dự thảo Luật không quy định áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ tưới cho cây trồng và cấp nước cho sản xuất muối, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi) để đảm bảo tính chính xác, đúng đối tượng, minh bạch và công bằng trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tại địa phương, tránh việc lợi dụng, trục lợi chính sách, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu để đề xuất sửa đổi toàn diện Luật giai đoạn 2026-2030 | |
|  | Bộ Tài chính | - Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Điều 34 Luật Thủy lợi vì lý do: sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là một trong các danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (trong đó sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chỉ định giá trong trường hợp đặt hàng), các nguyên tắc, căn cứ định giá hiện nay đã quy định và thực hiện theo Luật Giá 2023. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu để đề xuất sửa đổi toàn diện Luật giai đoạn 2026-2030 | |
|  | Bộ Tài chính | - Ngoài ra, đề nghị lưu ý các kiến nghị của Bộ Công an trong thời gian vừa qua trong việc đặt hàng, giao nhiệm vụ hoạt động công ích thủy lợi để tránh tạo khoảng trống pháp lý, nghiên cứu việc thực hiện lựa chọn nhà cung cấp hoạt động công ích thủy lợi theo pháp luật về đấu thầu. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện luật. | |
|  | Bộ Tư pháp | a) Về bổ sung khoản 4 Điều 20 (khoản 4 Điều 14 dự thảo Luật) quy định dịch vụ và kinh phí dịch vụ hỗ trợ quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá kỹ tại Tờ trình về “điểm nghẽn” của quy định pháp luật hiện hành, tính cần thiết, cấp bách, cần phải bổ sung quy định này tại dự thảo Luật.  Điểm b khoản 4 Điều 20 dự thảo Luật quy định kinh phí của loại dịch vụ hỗ trợ quản lý, khai thác công trình thủy lợi được *“lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và nguồn kinh phí hợp pháp khác”,* trong khi đó, khoản 1 Điều 37 Luật Thủy lợi quy định một trong các nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi là các khoản cấp, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan khác có liên quan đánh giá nguồn lực nhà nước khi bổ sung loại hình dịch vụ mới, bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu để đề xuất sửa đổi toàn diện Luật giai đoạn 2026-2030 | |
|  | Bộ Tư pháp | b) Một số nội dung dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thủy lợi chưa được đánh giá tại dự thảo Tờ trình, như: sửa đổi khoản 10 Điều 54; sửa đổi điểm k, điểm p khoản 2 và bổ sung điểm s, điểm t khoản 2 Điều 56; sửa đổi điểm h và bổ sung điểm l, điểm m khoản 1 Điều 57; sửa đổi khoản 3 Điều 57; bãi bỏ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 44 và khoản 2 Điều 57… Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nêu rõ tại Tờ trình về nội dung và lý do sửa đổi, hoàn thiện; bổ sung; lược bỏ; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; phân quyền, phân cấp; vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết. | Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉ quy định những nội dung liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, chính quyền 2 cấp, các nội dung khác sẽ nghiên cứu để sửa đổi toàn diện trong thời gian tới. Do đó, không phát sinh nội dung phải đánh giá tại dự thảo Tờ trình. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Tại khoản 6 quy định:  *“3. Cơ quan quản lý công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật này quyết định phương thức khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước như sau:*  *a) Đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý, khai thác công trình thủy lợi; cơ quan nhà nước;”;*  đề nghị điều chỉnh bổ sung thành: *“Đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý, khai thác công trình thủy lợi; cơ quan nhà nước;* ***đơn vị sự nghiệp công lập****”.*  Lý do: để phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và thực tiễn hiện nay: chủ thể quản lý công trình thủy lợi có giao đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ là phù hợp. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu để đề xuất sửa đổi toàn diện Luật giai đoạn 2026-2030 | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Sửa đổi khoản 7 như sau:  *“7. Sửa đổi khoản 3 Điều 24 như sau: “3. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi được quy định như sau:*  *a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 của Luật này.*  *b) Ủy ban nhân nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn từ 02 xã trở lên, trừ công trình thủy lợi quy định tại điểm a, khoản này và khoản 4 Điều này;*  *c) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn do xã quản lý; trừ công trình thủy lợi quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 4 Điều này.””.*  thành *“7. Sửa đổi khoản 3 Điều 24 như sau: “3. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi được quy định như sau:*  *a)* ***Bộ trưởng*** *Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 của Luật này.*  *b)* ***Chủ tịch*** *Ủy ban nhân nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp cho* ***Chủ tịch*** *Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn từ 02 xã trở lên, trừ công trình thủy lợi quy định tại điểm a, khoản này và khoản 4 Điều này;*  *c)* ***Chủ tịch*** *Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn do xã quản lý; trừ công trình thủy lợi quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 4 Điều này.””.*  Lý do: Việc phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi là thủ tục hành chính và thẩm quyền phê duyệt là thẩm quyền riêng theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉnh sửa như sau:  “3. Thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi được quy định như sau:  a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên;  b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn, trừ công trình thủy lợi quy định tại điểm a khoản này và khoản 4 Điều này.”. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | c) Sửa đổi khoản 9 như sau:  *“9. Bổ sung khoản 4 Điều 29 như sau:*  *4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận kết quả cung cấp dịch vụ thủy lợi của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thủy lợi trên cơ sở thực hiện quy trình vận hành công trình thủy lợi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các loại hình dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 30 của Luật Thủy lợi.””.*  thành *“9. Bổ sung khoản 4 Điều 29 như sau:*  *“4. Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận kết quả cung cấp dịch vụ thủy lợi của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thủy lợi quy định tại* ***khoản 2 Điều 30 của Luật Thủy lợi****.””.*  Lý do: Thực tiễn hiện nay, khi triển khai, thực hiện khoản 2 Điều 15 và điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp xã là đại diện các hộ dùng nước tại địa phương, ký hợp đồng với đơn vị khai thác và ký xác nhận toàn bộ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Thủy lợi rất hiệu quả trong thời gian qua. Đồng thời, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan nhà nước tại địa phương thực hiện giám sát quá trình đơn vị khai thác công trình thủy lợi thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sát với thực tế tại địa phương và đại diện các hộ dùng nước để có ý kiến về chất lượng, số lượng các sản phẩm được phục vụ. | Nội dung này đã được đưa ra khỏi dự thảo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục nghiên cứu để đề xuất sửa đổi toàn diện Luật giai đoạn 2026-2030 | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | d) Sửa đổi khoản 11 như sau: *“11. Sửa đổi khoản 2 Điều 44 như sau: “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.”.” t*hành *“11. Sửa đổi khoản 2 Điều 44 như sau: “2.* ***Chủ tịch*** *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoặc phân cấp cho* ***Chủ tịch*** *Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.”.”.*  Lý do: Việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi là các thủ tục hành chính thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉnh sửa để phù hợp với thẩm quyền của địa phương được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể như sau: “2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.”. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | đ) Bổ sung thêm một điểm l vào khoản 18 Điều 14 về sửa đổi khoản 3 Điều 57 dự thảo Luật như sau:  **“**18. Sửa đổi khoản 3 Điều 57 như sau:  3. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:…  *“l) Hằng năm, chỉ đạo tổ chức, cá nhân dùng nước đăng ký kế hoạch dùng nước đến Ủy ban nhân dân cấp xã”.*  Lý do: bổ sung thêm trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, đảm bảo thuận lợi khi thực thi pháp luật. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đã quy định cụ thể tại Điều 55 Luật Thủy lợi. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Tại Điều 40 Luật Thủy lợi 2017  **-** Điều chỉnh thay thế cụm từ “**phạm vi bảo vệ**” bằng cụm từ “**vùng phụ cận**” tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi, như sau:  *“a) Kênh có lưu lượng từ 02 m3/s đến 10 m3/s,* ***vùng phụ cận*** *được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 02 m đến 03 m đối với kênh đất, từ 01 m đến 02 m đối với kênh kiên cố;*  *b) Kênh có lưu lượng lớn hơn 10 m3/s,* ***vùng phụ cận*** *được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 03 m đến 05 m đối với kênh đất, từ 02 m đến 03 m đối với kênh kiên cố.”.*  Lý do: Thống nhất nội dung quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Thủy lợi.  - Đề nghị xem xét, bổ sung quy định vùng phụ cận công trình kè, bờ bao thủy lợi. Lý do: để địa phương có cơ sở ban hành vùng phụ cận phù hợp với các loại công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Thủy lợi năm 2017. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường ghi nhận ý kiến, sẽ tiếp tục nghiên cứu để đề xuất sửa đổi toàn diện Luật giai đoạn 2026-2030 | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Lược bỏ điểm g khoản 2 Điều 56 Luật Thủy lợi 2017. Lý do: để phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 14 của dự thảo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi (cơ quan cấp phép không bao gồm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)). | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. | |
| **Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy sản** | | |  |
|  | Bộ Tài chính | Tại Điều 20, Điều 21 Luật Thủy sản, đề nghị rà soát, nghiên cứu cắt giảm cơ cấu của Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản để phù hợp chủ trương tinh gọn bộ máy của Đảng và Chính phủ đề ra hiện nay. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau: Điều 20 quy định về nguồn tài chính của Quỹ; Điều 21 quy định về thẩm quyền, nguyên tắc và nguồn tài chính hình thành Quỹ. Quy định về cơ cấu tổ chức; cơ chế hoạt động, quản lý, sử dụng tài chính của Quỹ (khoản 5 Điều 21) đã giao Thủ tướng quy định và hiện nay Bộ đang rà soát để trình Thủ tướng phê duyệt bảo đảm phù hợp quy định về Quỹ hiện hành, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a) Sửa đổi điểm đ, khoản 28, thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “**Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**” tại khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 36; khoản 2, khoản 3 Điều 66; khoản 1 Điều 69.  b) Kiến nghị xem xét lược bỏ điểm e khoản 28 Điều 15: do nội dung trùng với điểm đ khoản 28 Điều 15. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật. | |
| **Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trồng trọt** | | |  |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | a)Tại khoản 4, kiến nghị bổ sung như sau:  **“Điều 42. Điều kiện buôn bán phân bón**  Tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón *phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón; trường hợp buôn bán phân bón do mình sản xuất thì không phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón và* đảm bảo các điều kiện sau đây…”:  Lý do: phân bón là hàng hóa nhóm 2 (hàng hóa kinh doanh có điều kiện). Do đó, trước khi kinh doanh cần đảm bảo các điều kiện theo quy định nhằm hạn chế tình trạng phân bón kém chất lượng, phân bón giả. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:  Điều 51 Luật Trồng trọt quy định đầy đủ quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón, trong đó tại điểm a khoản 2 quy định tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón có nghĩa vụ “*Duy trì đầy đủ các điều kiện buôn bán phân bón quy định tại**Điều 42 của Luật này trong quá trình buôn bán phân bón*”.  Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong đó đề xuất bãi bỏ 02 TTHC Cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.  Vì vậy, khoản 4 Điều 15 dự thảo Luật (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Luật Trồng trọt) quy định điều kiện buôn bán phân bón. Theo đó, tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón chỉ đáp ứng điều kiện mà không phải thực hiện TTHC Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | b) Đối với điểm a khoản 6 quy định “*6. Bãi bỏ các điểm, khoản, điều; cụm từ sau đây: a) Bãi bỏ khoản 10 Điều 9; điểm a khoản 1 Điều 22; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm c, d khoản 2 Điều 41; điểm h khoản 2 Điều 44 và Điều 57*;” , Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến như sau:  Tại khoản 2 Điều 57 Luật Trồng trọt quy định về Bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước: “*1. Tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước chỉ được sử dụng vào mục đích nông nghiệp; được bảo vệ và sử dụng hiệu quả. 2. Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước phải có phương án sử dụng tầng đất mặt.”.*  Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 182 Luật Đất đai quy định về đất trồng lúa: *“4. Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải thực hiện các quy định sau đây: a) Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt;…”*  Tại Điều 10 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 quy địnhbóc tách và sử dụng tầng đất mặt khi xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp: “*1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất khi xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận….**4. Phương án sử dụng tầng đất mặt được chấp thuận là thành phần hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp”.*  Do vậy, sau khi Luật sửa đổi bổ sung có hiệu lực, kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát các Luật, Nghị định có liên quan đến phương án sử dụng tầng đất mặt tham mưu đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi bổ sung cho phù hợp. | Tiếp thu ý kiến, Bộ NNMTsẽ rà soát, đề xuât cơ quan có thẩm quyền khi sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL có liên quan để đảm bảo thống nhất. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | Ngoài ra, kiến nghị giữ lại điểm c khoản 2 Điều 41 của Luật trồng trọt về điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện phân bón cần “*Có phòng thử nghiệm hoặc có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng phân bón do mình sản xuất*” nhằm đáp ứng yêu cầu về giám sát, đánh giá chất lượng sản phẩm phân bón sản xuất trước khi lưu thông hàng hóa. | Bộ Nông nghiệp và Môi trường giải trình như sau:  Điểm d khoản 2 Điều 50 Luật Trồng trọt năm 2018 quy định: *“Thử nghiệm đối với từng lô phân bón thành phẩm trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Lưu kết quả thử nghiệm theo hạn sử dụng của lô phân bón và bảo quản mẫu lưu trong thời gian là 06 tháng kể từ khi lấy mẫu”*  Theo đó, việc quy định điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón: “*Có phòng thử nghiệm hoặc có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng phân bón do mình sản xuất”* không còn phù hợp trong điều kiện hiện nay nhằm đáp ứng mục tiêu tạiNghị quyết số 66/NQ-CP và Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
|  | Tổng Công ty Phân bón và hoá chất Dầu khí -CTCP | - Đối với cấp công nhận lưu hành phân bón, mã số phân bón: PVFCCo thống nhất và ủng hộ việc duy trì đăng ký và cấp công nhận lưu hành phân bón, mã số phân bón của Luật Trồng trọt hiện hành, giúp quản lý nguồn gốc xuất xứ hàng hoá, chất lượng sản phẩm, đồng thời tránh các tranh chấp, cạnh tranh không lành mạnh  - Đối với quy định về khảo nghiệm phân bón trước khi cấp lưu hành và mã số phân bón: đề nghị nghiên cứu, sửa đổi theo một trong các phương án sau:  + Phương án 1: Khoản 2 Điều 39: Bổ sung thêm loại phân bón không khảo nghiệm là các loại phân bón hỗn hợp chỉ có các thành phần dinh dưỡng đa, trung, vi lượng; các loại phân bón hữu cơ có các thành phần đa, trung, vi lượng (các thành phần này đã có quy định chi tiết trong quy chuẩn Việt Nam: hữu cơ đa lượng, hữu cơ đa lượng – trung lượng, hữu cơ đa lượng – vi lượng, hữu cơ trung lượng, hữu cơ vi lượng, hữu cơ trung lượng – vi lượng); các loại phân khoáng hữu cơ (Phân bón NPK- hữu cơ, NP-hữu cơ, NK-hữu cơ, PK-hữu cơ). Cơ quan chức năng tổ chức Hội đồng chuyên môn để xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký lưu hành do doanh nghiệp cấp.  + Phương án 2: Duy trì khảo nghiệm phân bón đối với các loại phân bón quy định phải khảo nghiệm theo Luật Trồng trọt hiện hành, tuy nhiên, giảm bớt các quy định thủ tục, điều kiện về khảo nghiệm nhằm giảm thời gian, nguồn lực thực hiện cũng như giúp doanh nghiệp tận dụng được cơ hội sản xuấ kinh doanh, sớm đưa ra phân bón mới phục vụ nền nông nghiệp, cụ thể: Giảm bớt điều kiện của đơn vị có chức năng khảo nghiệm/Chứng chỉ đủ điều kiện khảo nghiệm; Rút ngắn thời gian khảo nghiệm diện hẹp, diện rộng và thu hẹp số nhóm cây thực hiện, hiện nay thực hiện khảo nghiệm lần lượt diện hẹp-diện rộng và số lượng mẫu thực hiện nhiều; Đối với các loại phân bón như NPK, hữu cơ khoáng, khoáng hữu cơ, hữu cơ vi sinh,… không cần khảo nghiệm diện hẹp mà chỉ cần khảo nghiệm diện rộng để có căn cứ lập hướng dẫn sử dụng; Giảm chỉ tiêu kết quả khảo nghiệm 5-10% vì đối chứng với phân bón tương tự/tương đương nhưng năng suất/hiệu quả kinh tế tăng 5-10% là chưa hợp lý.  - Bổ sung các quy định khuyến khích các doanh nghiệp/nhà sản xuất phân bón có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, giảm phát thải… | Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:  Việc khảo nghiệm phân bón nhẳm mục tiêu:  1. Đảm bảo chất lượng và an toàn đối với sản xuất nông nghiệp: (i) Mặc dù các nguyên tố đa, trung, vi lượng đã được nghiên cứu rộng rãi trên thế giới, nhưng hiệu quả và độ an toàn của phân bón phụ thuộc vào nhiều yếu tố: công thức phối trộn, nguồn gốc nguyên liệu, quy trình sản xuất, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu Việt Nam; (ii) Khảo nghiệm giúp đánh giá thực tế khả năng cung cấp dinh dưỡng, ảnh hưởng đến cây trồng và môi trường, tránh rủi ro như cháy lá, ngộ độc đất, tích lũy kim loại nặng, v.v.  2. Phù hợp với thực tiễn quản lý phân bón tại Việt Nam: (i) QCVN chỉ quy định ngưỡng chỉ tiêu chất lượng tối thiểu, nhưng không đánh giá được hiệu quả nông học trên từng loại cây trồng, vùng sinh thái; (ii) Nhiều sản phẩm cùng thành phần nhưng khác tỷ lệ, phụ gia, chất bổ sung có thể dẫn đến hiệu quả khác nhau. Khảo nghiệm giúp kiểm chứng công bố của tổ chức, cá nhân đăng ký; (iii) Một số phân bón nhập khẩu hoặc phối trộn có hướng dẫn sử dụng không thực sự phù hợp với thực tế canh tác tại Việt Nam, gây lãng phí cho nông dân nếu không được khảo nghiệm trước.  3. Tuân thủ Luật Trồng trọt và xu hướng quản lý chặt chẽ, hiệu quả: (i) Luật Trồng trọt 2018 (Điều 39) quy định rõ: Phân bón phải được khảo nghiệm trước khi công nhận lưu hành (trừ phân bón hữu cơ sử dụng bón rễ, phân bón vô cơ đơn, phân bón vô cơ phức hợp); (ii) Không phải tất cả các nước đều bỏ khảo nghiệm: Một số quốc gia (Nhật Bản, Hàn Quốc, EU) vẫn yêu cầu đánh giá kỹ thuật hoặc khảo nghiệm tùy loại phân bón. Việt Nam cần thiết phải cân nhắc đặc thù nông nghiệp nhỏ lẻ, dễ bị ảnh hưởng bởi phân bón kém chất lượng.  4. Giải pháp cân bằng giữa quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp, lựa chọn phương án 2: Hiện tại, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đang tham vấn về sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm phân bón (TCVN 12719:2019, TCVN 12720:2019) trên cơ sở khoa học, thực tiễn tại Việt Nam.  Chính vì những lý do nêu trên, đề nghị giữ nguyên quy định khảo nghiệm phân bón hiện nay tại Luật Trồng trọt để bảo vệ nông dân và nền nông nghiệp bền vững.  Theo đó, khoản 2 Điều 15 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 40 Luật Trồng trọt quy định tổ chức khảo nghiệm phân bón phải bảo đảm các điều kiện sau đây: *“a) Có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, không kể người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; ….”* đáp ứng mục tiêu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP và Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
|  | UBND TP Hồ Chí Minh | Kiến nghị xem xét bổ sung điều chỉnh điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Trồng trọt “*Có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, không kể người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” thành “*Có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” nhằm phù hợp với quy định bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 40 của Luật Trồng trọt của dự thảo. | Tiếp thu ý kiến và đã sửa đổi tại khoản 3 Điều 15 dự thảo Luật | |
| **Về điều khoản chuyển tiếp** | Bộ Tư pháp | Về điều khoản chuyển tiếp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu Điều 18 dự thảo Luật để đảm bảo quy định đầy đủ, toàn diện các trường hợp cần chuyển tiếp tại 16 luật và các văn bản khác có liên quan; đảm bảo sự ổn định, tính hệ thống trong văn bản pháp luật, tránh tạo khoảng trống pháp lý hoặc thiếu cơ chế pháp lý xử lý xung đột pháp luật trong trường hợp khác nhau giữa các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về cùng một vấn đề; đảm bảo giải quyết đầy đủ các vướng mắc, bất cập trên thực tiễn. | Tiếp thu ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát và bổ sung điều khoản chuyển tiếp tại dự thảo Luật | |

1. “Không quy định tên bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của bộ, ngành vào trong Luật (không phân quyền trực tiếp cho các Bộ trưởng tại Luật bảo đảm Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh cực, thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ” [↑](#footnote-ref-1)
2. Tại Thông báo số 368/TB-VPCP ngày 18/7/2025 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã có ý kiến kết luận, chỉ dạo như sau: *“Thường trực Chính phủ đã họp, thống nhất chủ trương đề nghị bổ sung Dự án Luật trên vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị bổ sung Dự án Luật nêu trên vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội theo đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Chính phủ trước ngày 25 tháng 7 năm 2025…”.* [↑](#footnote-ref-2)
3. Điểm c khoản 1 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Quốc hội ban hành luật để quy định: *“Chính sách cơ bản về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, tài chính, tiền tệ quốc gia, ngân sách nhà nước…”.* [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Trường hợp cần ban hành luật, nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm thì cơ quan trình áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng dự án; gửi hồ sơ dự án để Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đồng thời quyết định việc bổ sung vào dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, thông qua*”. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ngày 28/7/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 4828/BNNMT-ĐCKS gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản. [↑](#footnote-ref-5)
6. Ngày 28/7/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 4838/BNNMT-ĐCKS gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định Nghị quyết của Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó yêu cầu: “… *Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những "điểm nghẽn" do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 2 cấp...*” [↑](#footnote-ref-7)
8. Tại khoản 6 Điều 14 dự thảo Luật đang quy định sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi [↑](#footnote-ref-8)
9. “*a) Quản lý hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ và loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bao gồm chất có chứa trong thiết bị, sản phẩm hoặc được sử dụng để sản xuất thiết bị, sản phẩm*.” [↑](#footnote-ref-9)
10. Bộ Tài chính đã được giao chủ trì thành lập sàn giao dịch các-bon tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2022/NĐ-CP về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [↑](#footnote-ref-10)
11. Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. [↑](#footnote-ref-12)
13. Quy định Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ NN&MT) chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chỉ đạo công tác hộ đê (trong đó có việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê) [↑](#footnote-ref-13)
14. Khoản 5 Điều 248 Luật Đất đai sửa đổi, bổ sung Điều 20 Luật Lâm nghiệp như sau: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trừ trường hợp thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của**[Luật Đầu tư](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx" \t "_blank),**[Luật đầu tư công](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Luat-Dau-tu-cong-2019-362113.aspx" \t "_blank),**[Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Luat-Dau-tu-theo-hinh-thuc-doi-tac-cong-tu-so-64-2020-QH14-374160.aspx" \t "_blank),**[Luật Dầu khí](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-Dau-khi-2022-505749.aspx" \t "_blank).”*. [↑](#footnote-ref-14)
15. Theo quy định tại Điều 40 Luật Phòng, chống thiên tai 2013, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trước đây) được giao là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước Chính phủ về công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai. Ngoài ra, Điều 40 Luật Phòng, chống thiên tai cũng quy định rõ về chức năng của các Bộ, ngành khác có liên quan trong hợp tác quốc tế trong từng lĩnh vực chuyên môn tương ứng như Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ, Uỷ ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn. [↑](#footnote-ref-15)
16. Điểm c khoản 3 Điều 16 Luật phòng, chống thiên tai quy định: “Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu, giúp Chính phủ lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước”.

    Khoản 4 Điều 16 Luật phòng, chống thiên tai quy định: “Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội”. [↑](#footnote-ref-16)
17. Khoản 1 Điều 20 Luật Thủy lợi quy định: “*Quản lý nước bao gồm nội dung chính sau đây: a) Thu thập thông tin dự báo khí tượng thủy văn, đo đạc, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực…*” [↑](#footnote-ref-17)